



L B M

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG



L B M

MẪU CBTT-02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC

*ngày 15/1/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin
trên thị trường chứng khoán)*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng tổ chức niêm yết

CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

LÂM ĐỒNG

Năm báo cáo: 2011

I/ Lịch sử hoạt động của Công ty:

1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng thành lập theo quyết định số 981/QĐ-UB ngày 18/11/1994 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Khi thành lập Công ty có 02 đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Vật liệu xây dựng số 1 Tam Bô - Di linh (Công ty cổ phần Hiệp Thành hiện nay) và Xí nghiệp Xây lắp và Kinh doanh VLXD Đức Trọng và 03 phân xưởng SX đá xây dựng. Nguồn vốn kinh doanh 1,5 tỷ đồng, tổng số lao động có 123 người - trong đó có 06 lao động có trình độ đại học và 11 lao động có trình độ trung cấp.

Tháng 12/1999 Công ty thực hiện cổ phần hoá Xí nghiệp Vật liệu xây dựng số 1 Tam Bô - Di linh thành Công ty cổ phần Hiệp thành - vốn điều lệ 12,6 tỷ đồng, trong đó Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng nắm giữ 58,4% vốn điều lệ.

Tháng 11/2002, Trung tâm Giới thiệu và Kinh doanh VLXD được tách ra thành lập Công ty cổ phần Hiệp Phú - vốn điều lệ 03 tỷ đồng, trong đó Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng nắm giữ 35% vốn điều lệ.

Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng thực hiện cổ phần hoá theo quyết định số 35/2003/QĐ-UB của UBND tỉnh Lâm Đồng ngày 17/3/2003 và chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 059249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Lâm Đồng cấp ngày 28/5/2003 - vốn điều lệ 10 tỷ đồng, đến quý IV/2004 tăng vốn điều lệ lên 20 tỷ đồng. Ngày 20/12/2006 Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM). Năm 2007 Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 41.355.560.000 đ.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 059249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Lâm Đồng cấp ngày 28/5/2003 thay đổi lần 4 ngày 18/06/2007 đổi tên thành Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng . Hiện nay Cty đã bổ sung thêm ngành nghề và đăng ký thay đổi giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 059249 lần thứ 7 vốn điều lệ 85 tỷ đồng.

Ngày 01/10/2011 Công Ty đã đầu tư vốn 100 % để thành lập Cty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát là Công Ty con

• Vốn điều lệ: 85.000.000.000 VND

• Trụ sở chính của Công ty:

Địa chỉ : Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Tp. Đà Lạt.

Điện thoại : (0633) 832 511 – 828 127 – 825 549 . Fax: (0633) 830 142

Email : ctvvlxld@hcm.vnn.vn . Website : www.lbm-vn.vn



Mã số thuế : 5800391633

• Các Xí nghiệp thành viên:

- Xí nghiệp Hiệp An
- Xí nghiệp Hiệp Lực
- Xí nghiệp Hiệp Tiến
- Xí nghiệp Thạnh Mỹ

CTy con

- CTy CP Hiệp Thành
- CTy CP Hiệp Thịnh Phát

CTy Liên kết

- CTy CP Hiệp Phú

2. Quá trình phát triển:

Qua nhiều năm hoạt động Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng không ngừng phát triển với tốc độ tăng trưởng bình quân 20% năm, tổng tài sản trên 100 tỷ đồng. Đội ngũ lao động có năng lực và tâm huyết với công việc, với sự phát triển của Công ty. Tổng số lao động hiện có 474 người, trong đó đại học là 66 người, có trình độ trung cấp 45 người và trên 300 công nhân kỹ thuật đã qua đào tạo.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản. Hoạt động xuất nhập khẩu. Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt. San lấp mặt bằng, kinh doanh phát triển nhà. Vận chuyển hàng hóa. Trồng rừng.

3. Định hướng phát triển

Mục tiêu:

Xây dựng Công ty phát triển bền vững và ổn định. Phần đầu tốc độ tăng trưởng về doanh thu công nghiệp bình quân 10% đến 15% /năm, mức cổ tức phải đạt 13 %/năm trong năm 2010 và đạt trên 15% cho các năm tiếp theo. Nâng cao khả năng tự tích lũy của công ty

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Đề phù hợp với tình hình mới, Công ty tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh một cách linh hoạt và vận dụng các kiến thức mới

+ Ưu tiên đầu tư cho công tác thị trường, trong đó: xác định độ lớn thị trường và tiêu chuẩn sản phẩm theo yêu cầu của thị trường hiện hữu, tích cực tìm kiếm thị trường tiềm năng nhằm đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của khách hàng và phục vụ tốt cho việc hoạch định chiến lược đầu tư phát triển (đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu, đầu tư mới);

+ Thực hiện quảng bá thương hiệu, các hoạt động xúc tiến thương mại: Với mục tiêu quảng bá hình ảnh của Công ty đến khách hàng, Công ty tích cực thực hiện việc quảng cáo, tham gia các hội chợ chuyên ngành trong nước, trong khu vực, tham dự các giải thưởng về chất lượng sản phẩm, chất lượng quản lý, phát triển sản phẩm mới theo hướng đa dạng hoá đồng thời duy trì và liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO.

Tập trung đầu tư chiều sâu cho các Xí nghiệp có lợi thế về công nghệ sản xuất, nguyên liệu, thị trường nhằm tạo năng lực sản xuất mới, tăng sản lượng sản xuất, ổn định chất lượng sản phẩm và đem lại hiệu quả cao. Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất các Xí nghiệp hiện hữu trên cơ sở tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ nhằm tăng doanh thu công nghiệp.

- Đầu tư tìm kiếm các vùng mỏ nguyên liệu trong và ngoài tỉnh nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh trước mắt và lâu dài của Công ty. Công tác này cũng góp phần phục vụ cho kế hoạch phát triển sản phẩm mới, kể cả việc hình thành các nhà máy mới.

- Đầu tư cho công tác nghiên cứu sản xuất thử nghiệm các loại sản phẩm mới như: sứ dùng cho hoá chất, cho công nghệ đúc và các lĩnh vực khác.

- Đầu tư các chương trình và phần mềm quản lý theo từng hệ hoặc một số phân hệ cần thiết trước nhằm tăng hiệu quả trong công tác quản lý điều hành. Xây dựng các biện pháp quản trị rủi ro trong hoạt động tài chính và các biện pháp quản trị trong hoạt động chứng khoán của Công ty.

- Hoạch định nguồn nhân lực Công ty: có chính sách thu hút đãi ngộ lao động, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc (đầu tư thêm các thiết bị, công cụ làm việc hiện đại, tính tự động hoá cao...) nhằm hỗ trợ công việc đạt hiệu quả; phân phối lương, thưởng, thu nhập phù hợp đảm bảo kích thích sự sáng tạo và cải tiến trong công việc. Trong xu thế ngày càng cạnh tranh về nguồn nhân lực - đặc biệt là lao động có năng lực và lao động có tay nghề cao - ngoài chính sách đãi ngộ và thu hút Công ty sẽ đầu tư nhiều hơn cho công tác đào tạo trong đó chú trọng nguồn nhân lực trẻ.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (tình hình tài chính, lợi nhuận của Cty tại thời điểm cuối năm 2011 – Báo cáo hợp nhất):

- Tổng DT thực hiện 217, 107 tỷ đồng so với năm 2010 là 170,896 tỷ đồng đạt tăng 27,04 % so với năm trước và tăng 8, 7% KH năm . Riêng doanh thu xuất khẩu đạt 1.349 triệu USD tăng 15,8 % so với năm 2010 và đạt 93,7% KH năm .

- Lợi nhuận thực hiện trước thuế 20,237 tỷ đồng. Trong đó: Từ SXKD 15,239 tỷ, từ đầu tư tài chính 4,998 tỷ. Năm 2011 thuế TNDN được miễn và bổ sung quỹ Đầu tư phát triển là 515 triệu đồng.

- Thu nộp ngân sách: 19,768 tỷ đồng, tăng 8,9% so với năm trước.

- Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty: 125,605 tỷ đồng Bao gồm:

- * Vốn cổ đông: 85 tỷ đồng.
- * Thặng dư vốn cổ phần: 21,378 tỷ đồng.
- * Các quỹ của Công ty : 19,227 tỷ đồng.

- Các khoản nợ phải thu cuối kỳ: 26,928 tỷ, giảm 17,1 % so với năm trước do khách hàng trả nợ.

- Các khoản nợ phải trả cuối kỳ: 62,420 tỷ, giảm 6,3 % so với năm trước (không phát sinh nợ phải trả quá hạn) phần lớn vay vốn lưu động và ứng cho các dự án.

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính, lợi nhuận chủ yếu so với kế hoạch:

DVT: triệu đồng

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	%THỰC HIỆN
- Doanh thu	199,500	217,107	108,7
Trong đó: Xuất khẩu	1.440USD	1.349USD	93,7
- Tổng chi phí	188.000	196,870	104,25
Trong đó: + CP quản lý	21.000	24,121	114,2
+ KH TSCĐ	15.608	15,364	98,80
- Lợi nhuận trước thuế	22,200	20,237	90,34
- Nộp ngân sách	18,115	19,768	109,1

- Thu nhập người lao động	4,600/tháng	5,085/tháng	110,5
- Thu nhập ròng / Cổ phiếu	1,500	1,599	109,7
- Cổ tức / Cổ phiếu	1,3	1,2	

Cổ tức trên cổ phiếu đạt 12%/ 8.157.500 CP (theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2011 là 13%)

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, Sản phẩm và thị trường mới ...):

-Công tác Tổ chức – Quản lý:

Thay đổi mô hình tổ chức:

Từ tháng 07/2011 Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo bãi bỏ chức danh Giám đốc nghiệp vụ, thực hiện tinh giảm lao động gián tiếp. Đầu tháng 10/2011 giải thể Xí nghiệp Đá cát, Phòng Khoáng sản-Môi trường, đồng thời thành lập Công ty TNHH một thành viên Hiệp Thịnh Phát.

Sau khi sắp xếp, chuyển đổi mô hình: Tổng số LĐ bình quân: 474 người. Giảm 25 lao động

-Ban Tổng giám đốc: Tổng Giám đốc và 01 Phó TGD.

-Phòng nghiệp vụ: Gồm 04 Phòng – (Phòng Tổ chức-Nhân sự, Phòng Tài chính-Kế toán, Phòng Kỹ thuật-Sản xuất và Phòng Kế hoạch-Thị trường).

-Xí nghiệp trực thuộc: Gồm 04 Xí nghiệp – (XN Hiệp An; XN gạch, ngói tuynen Thạnh Mỹ ; XN Hiệp Tiến và XN bê tông Hiệp Lực).

-Công ty Con: - CTy CP Hiệp Thành (Địa chỉ Tam Bó -Di Linh) do Công ty LBM làm chủ sở hữu 58, 48% vốn.

- CTy TNHH một thành viên Hiệp Thịnh Phát do Công ty LBM làm chủ sở hữu 100% vốn. Thực hiện chức năng quản lý, khai thác nguyên liệu chỉ cung ứng cho các Xí nghiệp thuộc Công ty LBM (không bán ra bên ngoài).

-Công ty liên kết: - CTy CP Hiệp Phú (Địa chỉ Tam Bó -Di Linh) do Công ty LBM làm chủ sở hữu 35% vốn.

*Tiền lương: Công ty từng bước hoàn chỉnh quy chế trả lương, thưởng theo hướng tiên tiến, thực hiện khoán sản phẩm nhằm khuyến khích và tăng năng suất lao động.

Thu nhập bình quân: 5.085.000đồng/người/ tháng, tăng 10,5% so với năm 2010.

Đầu tư và Phát triển sản xuất:

3.1-Mở rộng vùng nguyên liệu:

Để đảm bảo trữ lượng nguyên liệu cho hoạt động sản xuất lâu dài và ổn định, ngoài diện tích mỏ đã được cấp phép trước đây thì trong năm 2011 Công ty đã mở rộng thêm 2,5 ha diện tích Mỏ bentonite – Tam Bó – Di Linh: Chi phí đền bù giải tỏa 1.064.478.000 đ

3.2-Đầu tư cho sản xuất:

Trong năm qua Công ty không đầu tư lớn, chỉ đầu tư một số thiết bị, công cụ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, kiểm soát nguyên vật liệu đầu vào và kiểm soát bán hàng:

-Đầu tư 01 xe nâng và 1.500 palet cho Xí nghiệp gạch, ngói tuynen Thạnh Mỹ đã giảm được 13 lao động và rút ngắn thời gian giao hàng.

-Đầu tư thiết bị phân cấp trục xoắn, sàng rung và xây dựng hệ mương, bể lắng để xử lý môi trường tại Xí nghiệp Hiệp Tiến.

-Lắp đặt trạm cân 80 tấn tại Phân xưởng Cam Ly và mở rộng mặt bằng sản xuất tại Phân xưởng Cam Ly (XN bê tông Hiệp Lực)

-Đầu tư xe con 09 chỗ cho Văn phòng Công ty 850.000.000 đồng

*Tổng giá trị đầu tư trong năm 2011: 5,135 tỷ đồng

3.3Xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng:

-Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 được áp dụng, vận hành trong toàn Công ty. Thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ nhằm xác định sự không phù hợp trong hệ thống để cải tiến và hoàn thiện các Quy trình- Thủ tục.

Hệ thống quản lý chất lượng là công cụ hỗ trợ rất tốt cho việc kiểm soát quy trình sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm và hướng đến sự thoả mãn của khách hàng.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu chiến lược...):

- Tập trung triển khai các dự án đầu tư phát triển sản xuất, đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu tại các Xí nghiệp thành viên nhằm từng bước tăng quy mô hoạt động SXKD, đa dạng hoá các chủng loại sản phẩm, mở rộng thị trường, tăng năng lực cạnh tranh... của Công ty. Phần đầu đưa doanh thu sản xuất công nghiệp và đến năm 2012 tăng trên 10% so với năm 2010

- Các dự án đầu tư trong năm 2009-2010 tập trung vào các lĩnh vực: Đầu tư chiều sâu sản xuất sản phẩm cao lanh cho ngành sơn ; đầu tư tăng công suất sản phẩm sứ chịu nhiệt và đa dạng hoá sản phẩm chịu nhiệt phục vụ các ngành đúc thép, công nghiệp hoá chất, lọc dầu, tàu thủy, xây dựng ; đầu tư mở rộng cho sản phẩm gạch xây dựng, đá xây dựng, bê tông tươi, đầu tư mở rộng vùng mỏ nguyên liệu, đầu tư tài chính và các lĩnh vực khác...

- Sau giai đoạn đầu tư sản phẩm của Công ty đã được đa dạng hóa về chủng loại và số lượng Công Ty đã tập trung thâm nhập và phát triển thị trường trong nước về lĩnh vực sử dụng: công nghiệp sơn, hoá chất, lọc dầu, phân bón và phát triển thị trường xuất khẩu ngoài Hàn Quốc, Nhật sẽ hướng đến một số nước khác trong khu vực châu Á, Âu, Mỹ. Giai đoạn tiếp theo đến 2012, định hướng của Công ty là tiếp tục đầu tư mở rộng hơn nữa quy mô sản xuất, mở rộng ngành nghề và lĩnh vực sản xuất nhằm chiếm lĩnh và ổn định thị trường hạn chế tối đa rủi ro, bảo đảm cho Công ty phát triển ổn định bền vững trong thời kỳ hội nhập.

***ĐÁNH GIÁ CHUNG:**

- Năm 2011 có nhiều khó khăn do tình hình lạm phát tăng cao, đầu tư công giảm đáng kể nên nhiều doanh nghiệp đã cắt giảm sản xuất, nhiều công trình xây dựng dừng triển khai thi công nên đã tác động lớn đến việc tiêu thụ các sản phẩm của Công ty.

- Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành đã triển khai nhiều biện pháp: rà soát giảm chi phí sản xuất, giảm giá bán để tiêu thụ sản phẩm. Trước áp lực lãi suất cao, thị trường tiêu thụ sụt giảm nên chi đầu tư những hạng mục nhỏ đáp ứng yêu cầu sản xuất ; hạn chế nợ phải thu và không để nợ quá hạn ; xúc tiến công tác thị trường, tìm kiếm khách hàng mở rộng thị trường.

- Vì vậy, năm 2011 đã hoàn thành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra

***Những tồn tại:**

- Mô hình tổ chức – Quản lý của Công ty trong những năm qua chưa phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty, bộ máy công kênh kém hiệu quả, chi phí quản lý cao, kiểm soát nội bộ chưa tốt.

- Một số cán bộ quản lý thiếu tính năng động và quyết liệt trong công tác quản lý, điều hành ; việc phân công và kiểm soát kết quả công việc chưa tốt. Công tác xây dựng kế hoạch SX-KD chậm so với quy định của Điều lệ Công ty; công tác thị trường chưa hình thành được chiến lược dài hạn của Công ty.

- Công tác xây dựng, ban hành các định mức kinh tế – kỹ thuật còn chậm và chưa sát thực tế, nhất là những thiết bị mới đầu tư, sản phẩm mới nên trở ngại trong việc kiểm soát chi phí trong quá trình sản xuất.

- Công tác quản lý, theo dõi công nợ và thu hồi công nợ chưa kịp thời nên nợ quá hạn trong năm qua còn tồn đọng, dẫn đến hiệu quả sử dụng vốn thấp

- **Những vấn đề lớn được Hội đồng quản trị quyết định trong năm 2011:**

+ Tiếp tục đầu tư bổ sung hoàn thiện các dự án.

+ Quyết định chuyển đổi mô hình quản lý Công Ty

- Giải thể XN Đá, Phòng Khoáng sản Môi trường. Đồng thời thành lập CTy TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát
 - Quyết định chuyển đổi mô hình quản lý Công Ty từ hạch toán phụ thuộc tại các đơn vị sang hạch toán báo số
 - Quyết định chuyển nhượng 35% CP tại CTY CP Hiệp Phú (CTy liên kết)
 - Quyết định tạm ứng cổ tức 10% cổ tức / vốn
- + Quyết định ban hành Quy chế người đại diện phần vốn của Công ty LBM tại các đơn vị thành viên.
- + Quyết định kế hoạch SXKD năm 2011
- Doanh thu: 195 tỷ (Cty mẹ: 160 tỷ đồng, Cty con 35 tỷ)
 - Lợi nhuận: 22,4 tỷ đồng (Cty mẹ 18,2 tỷ, Cty con 4,2 tỷ)
- + Bổ sung ngành nghề trồng rừng

Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý:

Đối với Ban Tổng Giám đốc điều hành:

Đến thời điểm 01/07/2011 Chủ tịch HĐQT không kiêm Tổng Giám đốc và một thành viên HĐQT là Phó Tổng Giám đốc nên việc thực thi các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị luôn được thấu đáo và triệt để. Những vấn đề phát sinh trong công tác điều hành nhưng thuộc thẩm quyền của HĐQT thì được trao đổi và xin ý kiến bằng văn bản. Do đó, việc điều hành các hoạt động đúng định hướng và đạt được mục tiêu đề ra.

Đối với cán bộ quản lý:

Các nghị quyết của HĐQT đều được thông báo và chỉ đạo đến các Trưởng phòng nghiệp vụ, các Giám đốc Xí nghiệp. Cán bộ quản lý được mời tham dự các cuộc họp HĐQT khi có liên quan về công tác nghiệp vụ.

Việc chỉ đạo và giám sát trực tiếp các cán bộ quản lý được phân công cho các thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm trong Công ty. Trong năm qua các cán bộ quản lý của công ty thể hiện được trách nhiệm vai trò quản lý và cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Chương trình hành động năm 2012:

a-Tổ chức – Quản lý:

-Kiện toàn mô hình tổ chức Công ty và từng Xí nghiệp nhằm tinh gọn và hiệu quả trong công tác quản lý điều hành, đồng thời sẽ tiết kiệm chi phí quản lý.

-Xác lập và vận hành tốt quy trình hạch toán báo số

-Rà soát, điều chỉnh và ban hành định mức kinh tế-kỹ thuật, định mức lao động phù hợp với công nghệ, thiết bị hiện có.

-Tinh giảm lao động gián tiếp:

-Sau khi ổn định quy trình hạch toán báo số, kiện toàn bộ máy sẽ tiến hành rà soát sửa đổi, ban hành các Quy trình-Thủ tục của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 phù hợp với mô hình hạch toán báo số và bộ máy tinh gọn.

b-Về sản xuất – kinh doanh:

-Tìm kiếm, khảo sát và xin cấp phép mở rộng diện tích mỏ nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu cho các nhà máy của Công ty hoạt động ổn định và lâu dài.

-Đảm bảo sản xuất ổn định, đáp ứng nhu cầu thị trường và tiết kiệm chi phí nhằm tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

-Tập trung nguồn lực nhằm giải quyết những khó khăn tại Xí nghiệp Hiệp An (những năm qua bị thua lỗ). Giải pháp về quản lý điều hành sản xuất; Giải pháp về công nghệ nung sấy để tiết kiệm nhiên liệu, giảm chi phí sản xuất nhằm đưa giá thành sản phẩm ngày càng hợp lý hơn; Giải pháp về thị trường tiêu thụ.

-Tăng cường công tác thị trường nhằm đảm bảo tiêu thụ các sản phẩm đạt và vượt kế hoạch năm 2012 đề ra. Chú trọng tìm kiếm mở thị trường cho những sản phẩm mới về vật liệu chịu lửa, ống sứ

c-Về tài chính:

- Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các chi phí sản xuất phát sinh tại Xí nghiệp trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật hiện hành nhằm kịp thời chấn chỉnh những chi phí bất hợp lý (nếu có).

- Luôn kiểm soát dòng tiền luân chuyển và phần đầu tăng số vòng quay vốn đạt 04 vòng/năm (năm 2011 vòng quay vốn là 2,65 vòng/năm) nhằm sử dụng có hiệu quả nhất nguồn vốn cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty.

- Chú trọng công tác thu nợ và có biện pháp thu nợ hữu hiệu.

- Đảm bảo thanh toán đến hạn, hạn chế nợ quá hạn và không phát sinh nợ xấu.

**Mục tiêu: Kiểm soát và tính toán chi phí sản xuất phù hợp nhất. Tiết kiệm 20% chi phí quản lý. Khai thác tốt các nguồn lực bên trong và bên ngoài Công ty để phát triển. Thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012 đề ra.*

III. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Báo cáo tình hình tài chính

Doanh thu toàn Công ty đạt 217,165 tỷ đồng tăng 28,4 % so với năm 2010 và tăng 8,7 % so với KH năm 2011. Doanh thu Công nghiệp tăng 11 % so với năm 2010.

Doanh thu xuất khẩu đạt 1,349 triệu USD vượt 32,85 % so với năm 2010 và đạt 93,7%/KH.

Lợi nhuận trước thuế toàn Công ty: 20,237 tỷ đồng tăng 25,71% so với năm 2010 và đạt 90,34 % so với KH năm do trích các khoản dự phòng 4,288 tỷ đồng.

Nộp ngân sách 19,768 tỷ

. Cổ tức đạt 12 %/năm (NQ ĐHCĐ năm 2011 là 13 %).

GIÁ TRỊ SỔ SÁCH TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2011

Mã	Chỉ tiêu	NĂM 2011	NĂM 2010
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	217,107,839,823	170,896,332,640
2	Giá vốn hàng bán	147,197,611,151	116,838,598,055
3	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	69,910,228,672	54,057,734,585
4	Doanh thu hoạt động tài chính	4,998,893,875	3,316,722,218
5	Chi phí tài chính	7,007,830,179	6,009,133,578
6	Chi phí bán hàng	23,654,403,515	19,252,461,560
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24,121,681,456	16,620,795,168
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	20,125,207,397	15,492,066,497
9	Thu nhập khác	1,381,385,474	1,185,244,544
10	Chi phí khác	1,270,057,038	487,386,610
11	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	111,328,436	697,857,934
12	Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	1,356,487	(92,070,039)
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	20,237,892,320	16,097,854,392
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	5,068,217,554	4,109,051,917
15	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	61,206,486	(132,862,891)
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	15,108,468,280	12,121,665,366
17	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	2,033,139,878	1,307,864,785

18	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	13,075,328,402	10,813,800,581
	Trong đó: số cổ phiếu lưu hành bình quân	8,177,155	8,354,875
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,599.01	1,294

Các chỉ số tài chính:

Chi tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	54,93	48,66
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	45,07	51,34
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	31,71	33,35
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	63,81	66,65
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,31	2,07
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	4,20	4,26
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,91	0,73
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	9,32	9,42
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	6,96	7,09
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	10,28	8,06
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	7,68	6,07
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	12,03	9,69

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:

Vốn góp của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2011 là: 85 tỷ đồng.

+ Tổng số cổ phiếu theo từng loại: 8,500 triệu Cổ phiếu phổ thông.

+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 8.157.500 cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu Quý: 342.500 cổ phiếu

+ Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: 12 %

2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức:*

- Phân công chi đạo và điều hành theo nghiệp vụ chuyên môn.

- Phân định công tác nghiệp vụ và công tác quản trị.

- Bổ nhiệm và thay đổi các chức danh cho phù hợp với mô hình Công ty.

**Những cải tiến về chính sách, quản lý:*

- Áp dụng quy chế tiền lương, thưởng tiên tiến; thực hiện thưởng từng quý cho những tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ ; thưởng đột xuất cho những cá nhân có những sáng kiến, cải tiến trong kỹ thuật, quản lý ... mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty.
- Quản lý theo kế hoạch; theo định mức kinh tế - kỹ thuật đã ban hành và thực hiện rà soát, điều chỉnh định mức trong thời gian 06 tháng, 01 năm.
- Phân định trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng Phòng nghiệp vụ , Giám đốc Xí nghiệp.

**Các biện pháp kiểm soát các hoạt động của Công ty:*

- Thông qua các báo cáo quyết toán tháng, quý.
- Báo cáo của các Giám đốc, Phòng nghiệp vụ.
- Báo cáo nhanh hàng tuần.
- Kiểm tra cơ sở và các cuộc họp giao ban định kỳ.
- Các công cụ đo lường, đánh giá theo các tiêu chí và mục tiêu chất lượng của hệ thống.

IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Đầu tư chiều sâu và đầu tư mở rộng nhà máy chế biến cao lanh Hiệp Tiến tại Báo Lộc - Lâm Đồng, tạo sản phẩm cao lanh chất lượng cao cung ứng cho các lĩnh vực: men, xương sứ cao cấp, sơn, giấy nhám thay thế cao lanh nhập khẩu.
- Đầu tư phát triển các sản phẩm mới tại nhà máy sản xuất gạch tuynen Thanh Mỹ tại Đơn Dương - Lâm Đồng.
- Đầu tư chiều sâu cho hai mỏ đá N'hol Hạ 2 tại địa bàn Huyện Đức Trọng và mỏ đá Cam Ly tại Tp.Đà Lạt. Đưa công suất trong lĩnh vực sản xuất đá tăng gấp đôi so với hiện nay. Đưa vào vận hành hệ nghiền sàng Đá thành sản phẩm Cát tại XN Đá Cát
- Đầu tư công nghệ sản xuất các sản phẩm vật liệu chịu lửa dị hình tại Xí nghiệp Hiệp An - huyện Đức Trọng.
- Đầu tư thiết bị, chương trình quản lý, dụng cụ thí nghiệm kỹ thuật tiên tiến.
- Tiếp tục đầu tư cho công tác mở rộng thị trường, quảng bá thương hiệu, tham gia các hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.

Mặt khác, để bảo đảm nguồn nguyên liệu phục vụ cho việc mở rộng và phát triển sản xuất lâu dài, Công ty sẽ đầu tư mở rộng vùng mỏ nguyên liệu mới với diện tích khoảng 40ha bao gồm: mỏ cao lanh tại Báo Lộc, mỏ cao lanh tại Đà Lạt mỏ Bentonite tại Di Linh, mỏ sét gạch ngói tại Đơn Dương, mỏ Đá mới để thay thế cho mỏ đá Định An. Ngoài ra, Công ty cũng sẵn sàng tiếp nhận hoặc đầu tư ngay các dự án có cơ hội phát triển và mang lại hiệu quả cao, đặc biệt là các dự án sản xuất sản phẩm để xuất khẩu.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gồm: Báo cáo tài chính riêng năm 2011 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011. Các báo cáo tài chính được thực hiện theo qui định của pháp luật về kế toán. Toàn bộ nội dung báo cáo tài chính đã được kiểm toán đăng tải trên website Công Ty [http:// www. lbm-vn.vn](http://www.lbm-vn.vn) .

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN ĐẤT VIỆT
- Số: 0113/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2012, từ trang 07 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán được thừa nhận tại Việt Nam và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến Chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2012



VÕ THẾ HOÀNG – Giám đốc điều hành
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV

VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

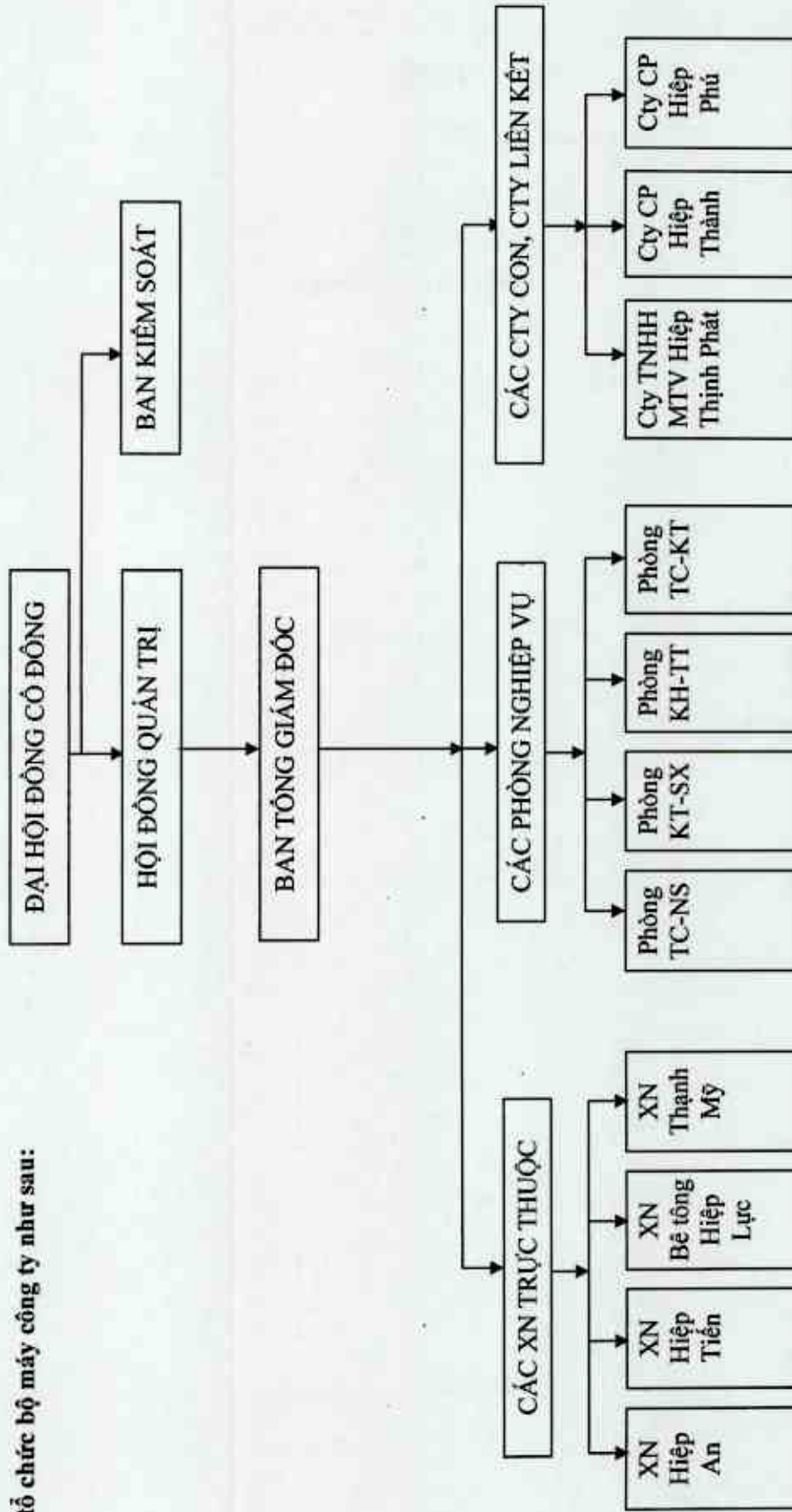
Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

I/ Tổ chức và nhân sự:

1. Cơ cấu tổ chức:

Sơ đồ tổ chức bộ máy công ty như sau:



2. Tóm tắt lý lịch cá nhân Ban Tổng Giám đốc:

1. Tổng Giám Đốc : Điều hành từ 01/01/2011

1. Họ và tên : Lương Hùng Minh
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh : 02/05/1954
4. Nơi sinh : Điện Bàn – Quảng Nam
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Chứng minh nhân dân số : 250212362
7. Dân tộc : Kinh
8. Quê quán : Điện Bàn – Quảng Nam
9. Địa chỉ thường trú : 242 A1 Phan Đình Phùng – Đà Lạt – Lâm Đồng
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 063.3554056
11. Trình độ văn hoá : 10/10
12. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Công nghệ Vật liệu Xây dựng
13. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - Từ năm 1981 – 1984 : Nhân viên Kỹ thuật – Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng.
 - Từ năm 1984 – 1986 : Phó Giám đốc Xí nghiệp Gạch Ngói Số I thuộc Sở Xây dựng Lâm Đồng.
 - Từ năm 1989 – 1991 : Trưởng phòng Kỹ Thuật – Kế Hoạch – Vật Tư thuộc Xí nghiệp Liên Hiệp Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.
 - Từ năm 1991 – 1993 : Giám đốc Xí nghiệp Đá Cát, Phó Giám đốc Xí Nghiệp Liên Hiệp Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.
 - Từ năm 1993 – 1995 : Giám đốc Xí nghiệp Đá Cát, Phó Giám đốc Công ty Kinh doanh và Phát triển Nhà Lâm Đồng.
 - Từ năm 1995 – đến nay : Giám đốc Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.
14. Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.

1. Tổng Giám Đốc : Điều hành từ 01/07/2011

3. Họ và tên : Nguyễn An Thái
4. Giới tính : Nam
5. Ngày tháng năm sinh : 28/04/1966
10. Nơi sinh : Phù Cát – Vĩnh Phú – Nghĩa Bình
11. Quốc tịch : Việt Nam
12. Chứng minh nhân dân số : 250376502
13. Dân tộc : Kinh
14. Quê quán : Nghĩa Bình
10. Địa chỉ thường trú : 17Hẻm 1 Hoàng diệu – Đà Lạt
11. Trình độ văn hoá : 12/12
12. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư
13. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - Từ tháng 05/1990 – 12/1996 : Trưởng Phòng Kỹ thuật - Xí nghiệp Sứ Lâm Đồng

- Từ tháng 01/1997- 9/2001: CBộ kỹ thuật CTy VLXD Lâm Đồng
- Từ tháng 05/2003- 09/2006: P Giám đốc – Xí nghiệp Hiệp An Lâm Đồng
- Từ tháng 10/2006-6/2014: Giám đốc Xí nghiệp Hiệp An Lâm Đồng
- Từ tháng 07/2011 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.

14. Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.

2. Phó Tổng Giám Đốc

- | | |
|---|-------------------------------------|
| 1. Họ và tên | : Võ Xuân Sơn |
| 2. Giới tính | : Nam |
| 5. Ngày tháng năm sinh | : 19/04/1957 |
| 6. Nơi sinh | : Hải Châu – Đà Nẵng |
| 7. Quốc tịch | : Việt Nam |
| 8. Dân tộc | : Kinh |
| 9. Chứng minh nhân dân số | : 200187306 |
| 10. Quê quán | : Hải Châu – Đà Nẵng |
| 11. Địa chỉ thường trú | : Hiệp Thạnh – Đức Trọng – Lâm Đồng |
| 10.Số điện thoại liên lạc ở cơ quan | : 063.554070 |
| 11.Trình độ văn hoá | : 12/12 |
| 12.Trình độ chuyên môn | : Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy. |
| 13.Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua): | |
| - Từ tháng 01/1981: Nhân viên Kỹ thuật - Xí nghiệp Sứ Lâm Đồng | |
| - Từ tháng 04/1987: Phó Giám đốc – Xí nghiệp Sứ Lâm Đồng | |
| - Từ tháng 04/1990: Giám đốc – Xí nghiệp Sứ Lâm Đồng | |
| - Từ tháng 05/2001: Phó Giám đốc Công ty Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng | |
| - Từ tháng 05/2003 đến nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng. | |
| 14. Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng - Thành viên Hội đồng quản trị. | |

Ban Tổng Giám đốc được trả lương theo quy định trả lương do Hội đồng quản trị Công ty phê chuẩn. Khi điều hành Công ty hoàn thành tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra thì được thưởng tùy theo mức độ thực hiện.

VIII/ Thông tin cổ đông:

1. Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát:

Hội đồng quản trị: có 07 thành viên

Cơ cấu như sau: 01 Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty ; 01 Phó chủ tịch HĐQT và 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty.

Đến thời điểm 01/07/2011 có sự thay đổi về nhân sự : Sau Đại Hội Chủ Tịch HĐQT không kiêm Tổng Giám Đốc điều hành . Ông Lê Đình Hiền (Cổ đông lớn) Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị .

Hiện nay có 03 thành viên tham gia điều hành, 04 thành viên không tham gia điều hành Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ theo bảng phân công nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT và quy định của pháp luật. Định kỳ họp mỗi quý 01 lần, ngoài ra có những phiên họp bất thường theo yêu cầu của công tác chi đạo, quản lý Công ty. Để tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị Công ty, mỗi thành viên được phân công chi đạo một mảng hoạt động: sản xuất, kỹ thuật, đầu tư, tài chính, thị trường ... hàng quý tại phiên họp thường kỳ có báo cáo đánh giá công tác quản trị đã được phân công. Các thành viên được thanh toán các chi phí đi lại tham dự các phiên họp. Mức thù lao CTịch HĐQT 3.000.000đ/người/ tháng. PCTịch 2.500.000 đ/người/ tháng. Thành viên 2.000.000đ/ người / tháng

Các thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ 3,65 % cổ phần Công ty

Các thành viên HĐQT đều có trình độ chuyên môn đại học và đã qua các khoá đào tạo nâng cao và đào tạo về quản trị Công ty.

Ban kiểm soát: có 03 thành viên

Cơ cấu như sau: 01 Trưởng Ban kiểm soát và 02 thành viên. Hiện nay có 02 thành viên đang công tác tại Công ty, 01 thành viên làm việc ngoài Công ty.

Các thành viên Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo bảng phân công nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát và quy định của pháp luật. Định kỳ 06 tháng họp 01 lần, ngoài ra có những phiên họp bất thường theo yêu cầu của công tác kiểm soát các hoạt động của Công ty khi có sự kiến nghị của cổ đông hoặc những hoạt động có dấu hiệu không bình thường. Để tăng cường hiệu quả trong công tác kiểm soát Công ty thì hàng quý tại phiên họp thường kỳ của HĐQT có báo cáo đánh giá công tác kiểm soát của Ban kiểm soát. Các thành viên được thanh toán các chi phí đi lại tham dự các phiên họp. Mức thù lao Trưởng ban 2.000.000đ/người/ tháng Thành viên 1.000.000 đ/ người / tháng

Các thành viên Ban kiểm soát đều có trình độ chuyên môn đại học và đã qua các khoá đào tạo nâng cao và chuyên sâu.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn:

(Theo danh sách cổ đông chốt ngày 08/01/2012 của Trung tâm lưu ký chứng khoán TP Hồ Chí Minh).

IX. CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG

Đơn vị tính: 1.000 đ

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
Tổng số vốn chủ sở hữu	83,823,100	98,62	1,176,900	1,38	85,000,000	100
A. Cổ đông chưa lưu ký	147,140	0,17			147,140	0,17
1. Cổ đông nhà nước						
2. Cổ đông đặc biệt						
-Cổ đông HĐQT	77,740	0,09			77,740	0,09
- Ban kiểm soát						
- Kế Toán trưởng						
3. Cổ đông cá nhân	69,400	0,08			69,400	0,08
4. Cổ đông tổ chức						
B. Cổ đông đã lưu ký	83,675,960	98,44	1,176,900	1,38	84,852,860	99,83
1. Cổ đông nhà nước						
2. Cổ đông đặc biệt						
- Cổ đông HĐQT	3,023,290	3,56			3,023,290	3,56
- Ban kiểm soát	225,020	0,26			225,020	0,26
- Kế Toán trưởng	218,000	0,26			218,000	0,26
3. Cổ đông cá nhân	59,736,460	70,28	895,900	1,05	60,632,360	71,33
4. Cổ đông tổ chức	17,048,190	20,06	281,000	0,33	17,329,190	20,39
5. Cổ phiếu Quỹ	3,425,000	4,03			3,425,000	4,03
6. Cổ đông tự doanh						

CTY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN AN THÁI

PHỤ LỤC SỐ 1

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
RIÊNG VÀ HỢP NHẤT
NĂM 2011**

(đính kèm Báo cáo thường niên)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		85.570.696.162	78.601.165.188
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		33.674.869.381	25.795.498.536
• 1. Tiền	111	VI.1	13.674.869.381	11.795.498.536
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	14.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	6.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	VI.2	5.000.000.000	6.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.651.475.683	27.285.060.366
1. Phải thu khách hàng	131	VI.3	23.998.738.328	21.344.399.577
2. Trả trước cho người bán	132		2.980.773.552	2.889.296.225
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.4	2.722.406.013	6.258.728.936
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.050.442.210)	(3.207.364.372)
IV. Hàng tồn kho	140		21.064.093.048	17.612.425.938
Hàng tồn kho	141	VI.5	21.064.093.048	17.612.425.938
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.180.258.050	1.908.180.348
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.6	614.559.615	176.697.190
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		50.648.279	3.300.000
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.7	1.515.050.156	1.728.183.158
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		93.199.532.689	105.305.628.148
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		79.649.380.203	91.983.597.610
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	77.552.312.323	90.001.507.407
Nguyên giá	222		144.291.620.094	145.633.233.796
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.739.307.771)	(55.631.726.389)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.9	1.273.081.699	1.391.898.094
Nguyên giá	228		4.336.485.373	4.108.074.373
• Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.063.403.674)	(2.716.176.279)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.10	823.986.181	590.192.109
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.11	10.062.270.312	8.418.700.000
1. Đầu tư vào Công ty con	251		9.012.270.312	7.368.700.000
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		1.050.000.000	1.050.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.487.882.174	4.903.330.538
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.12	2.919.041.317	4.357.956.097
2. Tài sản dài hạn khác	268	VI.13	568.840.857	545.374.441
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		178.770.228.851	183.906.793.336

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

7B Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
- NỢ PHẢI TRẢ	300		56.375.961.921	60.563.983.786
Nợ ngắn hạn	310		40.855.956.907	40.914.876.517
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.14	18.802.271.248	20.416.498.296
2. Phải trả người bán	312	VI.15	11.866.653.469	7.997.908.078
3. Người mua trả tiền trước	313		824.040.008	3.553.733.080
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.16	682.534.320	1.509.120.279
5. Phải trả người lao động	315		4.857.294.126	3.966.022.938
6. Chi phí phải trả	316	VI.17	1.103.988.077	1.140.635.154
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.18	1.857.431.051	1.819.237.849
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		861.744.608	511.720.843
I. Nợ dài hạn	330		15.520.005.014	19.649.107.269
1. Vay và nợ dài hạn	334	VI.19	15.280.674.510	19.252.541.960
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		169.330.504	326.565.309
3. Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ			70.000.000	70.000.000
- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		122.394.266.930	123.342.809.550
Vốn chủ sở hữu	410	VI.20	122.394.266.930	123.342.809.550
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.378.566.720	21.378.566.720
3. Cổ phiếu quỹ	414		(4.372.135.515)	(2.549.053.629)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.380.605.992	6.314.259.782
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.725.480.714	1.121.609.348
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11.281.749.019	12.077.427.329
I. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		178.770.228.851	183.906.793.336

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		292.428,12	261.560,22

m Đồng, ngày 10 tháng 03 năm 2012



TRẦN AN THÁI
ng Giám đốc

PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng

LÊ NAM ĐÔNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phủ Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

(Có so sánh số liệu năm 2010)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	182.108.383.846	139.401.630.268
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		58.036.850	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		182.050.346.996	139.401.630.268
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	121.757.231.012	91.095.916.473
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			60.293.115.984	48.305.713.795
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	5.139.474.500	4.233.522.364
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	7.007.830.179	6.009.133.578
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		6.961.984.536	6.006.367.744
8. Chi phí bán hàng	24	VII.5	22.668.919.308	18.836.980.735
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.6	20.903.504.396	14.254.607.380
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.852.336.601	13.438.514.466
1. Thu nhập khác	31	VII.7	1.393.409.521	2.209.542.928
2. Chi phí khác	32	VII.8	1.624.612.400	388.643.686
3. Lợi nhuận khác	40		(231.202.879)	1.820.899.242
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.621.133.722	15.259.413.708
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.9	3.204.384.703	3.043.986.377
6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>11.416.749.019</u>	<u>12.215.427.331</u>
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/Cổ phiếu)	70	VI.10	<u>1.396,18</u>	<u>1.462,07</u>

m Đồng, ngày 10 tháng 03 năm 2012



UYÊN AN THAI
ng Giám đốc

PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng

LÊ NAM ĐÔNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

7B Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

ÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

ho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		14.621.133.722	15.259.413.708
Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		14.294.153.334	13.608.487.144
- Các khoản dự phòng	03		2.843.077.838	306.269.085
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		22.297.441	(1.076.360.958)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.284.505.744)	(2.765.372.229)
- Chi phí lãi vay	06		6.961.984.536	6.006.367.744
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		35.458.141.127	31.338.804.494
- Tăng các khoản phải thu	09		1.932.053.458	(7.539.769.139)
- Giảm hàng tồn kho	10		(3.451.667.110)	221.532.200
- Giảm các khoản phải trả	11		(7.211.224.706)	(7.880.423.324)
- Tăng chi phí trả trước	12		1.001.052.355	969.852.727
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.961.984.536)	(6.006.367.744)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.492.252.707)	(2.999.092.524)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		771.694	845.678.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(648.183.260)	(599.286.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.626.706.315	8.350.927.890
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.520.686.660)	(8.387.472.513)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		645.336.852	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	12.000.000.000
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.000.000.000)	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.556.349.313	3.097.439.693
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(319.000.495)	6.709.967.180
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	157.500.000
- Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(1.823.081.886)	(281.319.072)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		37.693.912.416	43.091.025.839
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(39.308.139.464)	(39.893.873.158)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.968.728.600)	(10.859.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.406.837.534)	(7.786.166.391)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.901.668.286	7.274.728.679
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		25.795.498.536	17.848.408.144
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(22.297.441)	672.361.713
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	33.674.869.381	25.795.498.536

Đồng, ngày 10 tháng 03 năm 2012



YẾN AN THÁI
Giám đốc

PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng

LÊ NAM ĐÔNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác - Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng; Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt; San lấp mặt bằng, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; Kinh doanh vận chuyển hàng; Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản; Hoạt động xuất nhập khẩu; Trồng rừng.

4. Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con

Công ty Cổ phần Hiệp Thành

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành, Xã Tam Bồ, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 58,48%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 58,48%

Công ty con

Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát

Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Hiệp Phú:

Địa chỉ trụ sở chính: 191 Tô Ngọc Vân, Phường 2, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Tỷ lệ phần sở hữu: 35,00%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 35,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính 2011 là năm tài chính thứ chín của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc năm tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2010 là: 18.932 VND/USD

Ngày 31/12/2011 là: 20.828 VND/USD.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp kết thúc năm.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá trị thuần có thể thực

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cho việc hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời vv...) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào các khoản phải thu không có khả năng thu hồi, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ) được ghi nhận theo giá gốc và được phản ánh theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong năm.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong năm.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được ước tính theo theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06
Tài sản cố định khác	04 - 12

Nguyễn Văn Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của tài sản

Trong kỳ Công ty đã thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của máy móc thiết bị từ 15 năm thành 25 năm để phản ánh chính xác hơn thời gian sử dụng hữu ích của tài sản. Việc thay đổi thời gian hữu ích của tài sản làm chi phí khấu hao làm chi phí khấu hao năm 2010 giảm 968.838.888 VND so với năm trước.

Tài sản cố định vô hình

Hệ thống chất lượng ISO

Toàn bộ các chi phí Công ty đã bỏ ra để xây dựng hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (05) năm.

Chi phí hầm mỏ, thăm dò và chi phí đền bù giải tỏa

Các chi phí Công ty đã bỏ ra để đền bù giải tỏa, thăm dò hầm mỏ và quyền khai thác hầm mỏ được khấu hao từ ba (03) đến 12 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn toàn thành hoặc lắp đặt xong và được thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng hay lắp đặt cho tới khi các tài sản đó được hoàn thành và đem vào sử dụng.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thăm dò và tiền đền bù hoa màu

Chi phí thăm dò và tiền đền bù hoa màu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá ba (03) năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 đến 3 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm các chi phí san lấp vùng nguyên liệu và các chi phí triển khai dự án được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá ba (03) năm.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại, và phải trả khác được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ việc bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong năm.

15. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh dựa trên hợp đồng thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	372.435.663	729.924.011
VND	372.435.663	729.924.011
Tiền gửi Ngân hàng	13.302.433.718	11.065.574.525
VND	7.211.740.835	5.965.130.735
USD quy đổi VND	6.090.692.883	5.100.443.790
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	14.000.000.000
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	33.674.869.381	25.795.498.536

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng đầu tư & phát triển	5.000.000.000	6.000.000.000
--	---------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. Phải thu khách hàng

Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP XD và TM Minh Phụng	333.762.763	333.209.000
Công ty Đồng Nai	404.376.060	-
Công ty TNHH SX-TM Vật Liệu Chịu Lửa Lê Vỹ	706.332.000	251.724.000
Taekwang industry technical co.,ltd	300.576.974	282.366.286
Ông Lee Dong Wook	445.378.387	442.458.300
Công ty TNHH Một thành viên 59	298.476.000	732.072.500
Công ty CP Đầu Tư & Xây Dựng COTEC	535.730.600	-
Công ty Quản Lý Đường Bộ 1 Lâm Đồng	1.411.000.701	-
Công ty Cổ phần E. C. O. N	1.629.314.500	-
Công ty TNHH XD TM Thuận Việt	2.751.677.417	1.165.896.100
Công ty CP Công nghiệp gốm sứ Taicera	2.129.867.344	3.363.626.771
Công ty TNHH Vicera	344.826.035	357.794.405
Công ty Cổ Phần Quốc tế Pancera	513.377.150	-
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	453.615.910	-
Công ty Cổ phần Hiệp Phú	300.000.000	1.237.758.000
Công ty Cổ phần Hiệp Thành	522.332.189	17.266.500
Khách hàng khác	10.918.094.298	13.160.227.715
Cộng	23.998.738.328	21.344.399.577

4. Các khoản phải thu khác

Lãi đầu tư ngắn hạn	224.383.562	-
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	473.195.210	-
Cổ tức Công ty Hiệp Thành	368.435.000	-
Cổ tức năm 2010	-	5.014.500.000
Phải thu khác	1.656.392.241	1.244.228.936
Cộng	2.722.406.013	6.258.728.936

5. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu	7.408.452.358	6.235.258.525
Công cụ dụng cụ	189.554.686	233.834.847
Chi phí SXKD dở dang	4.325.862.705	3425073739
Thành phẩm	9.140.223.299	7.718.258.827
Cộng	21.064.093.048	17.612.425.938

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ	Giảm khác	Cuối năm
CP bóc tảng phù bentonit	-	836.987.339	836.987.339	-	-
CP tập kết bentonit	-	31.472.854	31.472.854	-	-
Công cụ dụng cụ	68.416.667	792.619.957	527.800.332	-	333.236.292
Dịch vụ Quảng cáo Alibaba	39.846.997	225.177.090	69.837.883	-	195.186.204
Bảo hiểm tài sản cố định	24.475.000	-	24.475.000	-	-
Ván ép cao lanh	43.958.526	52.491.359	78.952.766	-	17.497.119
Chi phí dọn bãi nguyên liệu	-	7.670.455	7.670.455	-	-
Chi phí khác	-	341.230.563	270.878.076	1.712.487	68.640.000
Cộng	176.697.190	2.287.649.617	1.848.074.705	1.712.487	614.559.615

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng nhân viên	1.515.050.156	1.728.183.158
Cộng	1.515.050.156	1.728.183.158

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCD khác	Cộng TSCD hữu hình
I. Nguyên giá							
1. Số đầu năm	42.457.320.481	81.748.979.542	19.293.358.791	1.296.555.224	520.611.939	316.407.819	145.633.233.796
2. Tăng trong năm	368.667.618	1.516.057.695	1.112.290.909	136.259.909	-	-	3.133.276.131
3. Giảm trong năm	368.008.907	3.401.299.486	695.110.705	10.470.735	-	-	4.474.889.833
4. Số cuối năm	42.457.979.192	79.863.737.751	19.710.538.995	1.422.344.398	520.611.939	316.407.819	144.291.620.094
II. Hao mòn lũy kế							
1. Số đầu năm	13.567.417.944	31.429.448.494	9.085.007.460	1.124.182.210	195.527.939	230.142.342	55.631.726.389
2. Tăng trong năm	2.864.591.466	8.623.730.800	2.262.121.434	117.620.414	61.608.730	17.253.095	13.946.925.939
3. Giảm trong năm	198.098.521	1.867.032.453	763.742.848	10.470.735	-	-	2.839.344.557
4. Số cuối năm	16.233.910.889	38.186.146.841	10.583.386.046	1.231.331.889	257.136.669	247.395.437	66.739.307.771
III. Giá trị còn lại							
1. Số đầu năm	28.889.902.537	50.319.531.048	10.208.351.331	172.373.014	325.084.000	86.265.477	90.001.507.407
2. Số cuối năm	26.224.068.303	41.677.590.910	9.127.152.949	191.012.509	263.475.270	69.012.382	77.552.312.323

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giá trị tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 3.225.353.368 VND (Xem thuyết minh số V.15).

Giá trị của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 16.586.690.833 VND.

9. Tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Hệ thống quản lý chất lượng ISO	Chi phí hàm mô, thâm độ	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	431.993.275	1.120.786.000	26.500.000	2.528.795.098	4.108.074.373
2. Tăng trong năm	-	228.411.000	-	-	228.411.000
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	431.993.275	1.349.197.000	26.500.000	2.528.795.098	4.336.485.373
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	239.264.367	1.120.786.000	1.325.000	1.354.800.912	2.716.176.279
2. Tăng trong năm	102.908.657	-	5.300.000	239.018.738	347.227.395
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	342.173.024	1.120.786.000	6.625.000	1.593.819.650	3.063.403.674
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	192.728.908	-	25.175.000	1.173.994.186	1.391.898.094
2. Số cuối năm	89.820.251	228.411.000	19.875.000	934.975.448	1.273.081.699

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

			Kết chuyển vào tài sản trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số dư cuối năm
	Số dư đầu năm	Tăng trong năm			
Nhà máy cao lanh Hiệp Tiến	-	1.104.473.070	426.703.070	-	677.770.000
Dự án NMS Hiệp An	468.891.764	-	468.891.764	-	-
Dự án Tầm lột nguội Hiệp An – 2010	4.538.181	14.615.000	-	-	19.153.181
Dự án cao lanh Trại mát 2 Hiệp An	94.959.091	154.319.117	133.253.636	116.024.572	-
Tài đánh giá hệ thống ISO	-	127.063.000	-	-	127.063.000
Bãi chứa nguyên liệu	21.803.073	-	21.803.073	-	-
Cộng	590.192.109	1.400.470.187	1.050.651.543	116.024.572	823.986.181

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

11. Các khoản đầu tư dài hạn

Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào Công ty con	7.368.700.000	7.368.700.000
Công ty Cổ phần Hiệp Thành	7.368.700.000	7.368.700.000
<i>Tỷ lệ góp vốn</i>	<i>58,48%</i>	<i>58,48%</i>
Công ty TNHH MTV Hiệp Thành Phát	1.643.570.312	-
<i>Tỷ lệ góp vốn</i>	<i>100,00%</i>	<i>0,00%</i>
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	1.050.000.000	1.050.000.000
Công ty Cổ phần Hiệp Phú	1.050.000.000	1.050.000.000
<i>Tỷ lệ góp vốn</i>	<i>35,00%</i>	<i>35,00%</i>
Cộng	10.062.270.312	8.418.700.000

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ	Giảm khác	Cuối năm
Chi phí đền bù hoa màu	2.407.701.788	26.000.000	1.536.272.456	-	897.429.332
Chi phí thăm dò	487.312.863	224.500.000	396.626.906	315.185.957	-
Bàn ghế HDQT+VP TGD	-	20.600.000	3.433.333	-	17.166.667
Chi phí sửa văn phòng	-	46.381.818	5.153.538	-	41.228.280
Công cụ, dụng cụ	710.399.966	3.167.269.579	2.271.288.347	-	1.606.381.198
Chi phí đền bù N'Thôn Hạ	-	295.445.858	103.009.747	-	192.436.111
Chi phí đền bù Cam ly	-	19.740.099	19.740.099	-	-
Chi phí khác	752.541.479	74.406.897	639.000.445	23.548.202	164.399.729
Cộng	4.357.956.097	3.874.344.251	4.974.524.871	338.734.159	2.919.041.317

13. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ Quỹ Bảo vệ môi trường	-	71.120.000
Ký quỹ mỏ Lộc Tân	112.870.000	112.870.000
Ký quỹ mỏ xét Nghĩa Lập Xí Nghiệp Thạnh Mỹ	103.600.000	103.600.000
Ký quỹ mỏ cao lanh	53.192.000	40.676.000
Ký quỹ khác	299.178.857	288.228.441
Tổng cộng	568.840.857	545.374.441

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

14. Vay và nợ ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng Công thương	11.752.181.296	24.106.872.420	24.835.796.318	11.023.257.398
Ngân hàng Đầu tư	2.695.026.000	4.075.701.546	4.188.437.146	2.582.290.400
Ngân hàng NN&PTNT tỉnh Lâm Đồng	1.715.831.000	5.539.471.000	6.030.446.000	1.224.856.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.253.460.000	3.971.867.450	4.253.460.000	3.971.867.450
Tổng cộng	20.416.498.296	37.693.912.416	39.308.139.464	18.802.271.248

Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng công thương tỉnh Lâm Đồng bao gồm:

- Hợp đồng vay số 10080001/HĐTĐHM ngày 10/2/2010 với hạn mức cho vay là 14 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay chịu lãi suất 1%/tháng và thay đổi theo quyết định của Tổng Giám đốc Ngân hàng Công Thương Việt Nam. Khoản vay được đảm bảo bằng 4 chiếc xe tại Văn Phòng Công ty.

Khoản vay Ngân hàng NHNN&PTNN Lâm Đồng bao gồm:

- Hợp đồng vay số 5400LAV201000173/HĐTĐ ngày 01 tháng 02 năm 2010 với hạn mức cho vay là 2 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay chịu lãi suất 12%/năm và không có tài sản đảm bảo.

15. Phải trả người bán

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Xí nghiệp than Nha Trang	607.728.000	292.139.320
Ông Lương Ngọc Thiện	191.107.000	215.753.500
Công ty CP Đông Á	264.655.600	-
Công ty TNHH Thiên Tự Phước	280.614.720	40.000.000
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	1.533.752.000	-
Công ty TNHH một thành viên xi măng LUKS	338.932.024	843.323.000
Công ty TNHH ĐT & TV xây dựng Quốc tế	463.102.000	187.845.900
DNTN VLXD Thanh Trà	952.362.105	154.919.000
Cửa hàng VLXD 815	1.164.377.000	-
Công ty TNHH một thành viên Hiệp Thịnh Phát	1.853.874.000	-
Ông Nguyễn Nhật Quy	154.800.000	374.430.000
Công ty thủy điện Đại Ninh	114.813.376	-
Tổ khai thác đất	175.651.000	91.000.000
Khách hàng khác	3.770.884.644	5.798.497.358
Cộng	11.866.653.469	7.997.908.078

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Stt	Chi tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải cuối kỳ
I. Thuế		1.417.528.579	13.231.645.076	14.058.966.614	590.207.041
1.	Thuế giá trị gia tăng hàng bán trong nước	477.832.228	6.644.226.930	6.631.977.038	490.082.120
2.	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	111.280.438	111.280.438	-
3.	Thuế xuất, nhập khẩu	-	329.716.006	329.716.006	-
4.	Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	675.280.499	2.766.383.929	3.492.252.707	(50.588.279)
	<i>Thuế thu nhập hiện hành</i>	675.280.499	2.688.943.607	3.382.914.457	(18.690.351)
	<i>Khoản nộp phạt thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu</i>	-	77.440.322	77.440.322	-
	<i>Khoản ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	-	31.897.928	(31.897.928)
5.	Thuế tài nguyên	264.972.452	2.631.431.456	2.752.985.308	143.418.600
6.	Tiền thuế đất (*)	(3.300.000)	616.509.653	613.269.653	(60.000)
7.	Các loại thuế khác	2.743.400	132.096.664	127.485.464	7.354.600
	<i>Thuế môn bài</i>	-	8.000.000	8.000.000	-
	<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	2.743.400	124.096.664	119.485.464	7.354.600
II. Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		88.291.700	666.404.200	713.016.900	41.679.000
1.	Phí bảo vệ môi trường	88.291.700	578.490.000	625.102.700	41.679.000
2.	Các khoản phải nộp khác	-	87.914.200	87.914.200	-
Cộng		1.505.820.279	13.898.049.276	14.771.983.514	631.886.041

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu thuế và các khoản phải thu nhà nước.

• **Thuế giá trị gia tăng**

- Công ty áp dụng Luật thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.
- Phương pháp tính thuế: Phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất áp dụng:

+ Bán hàng trong nước : 10 %

+ Xuất khẩu nước ngoài : 0 %

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh số V.12)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

• **Thuế nhà đất**

Công ty nộp thuế đất theo Hợp đồng thuê đất với Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

17. Chi phí phải trả

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí vận chuyển	538.397.000	567.419.000
Chi phí bốc dỡ phụ	-	-
Chi phí phải trả khác	565.591.077	370.970.000
Tổng Cộng	1.103.988.077	1.140.635.154

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn	391.137.576	345.931.519
Bảo hiểm xã hội	189.773.706	135.772.266
Bảo hiểm Y tế	73.483.166	34.313.597
Bảo hiểm thất nghiệp	29.238.385	12.628.385
Tiền cổ tức phải trả cho Công ty Cổ phần Hiệp Thành	-	442.122.000
Tài sản thừa chờ giải quyết	10.487.872	-
Phải trả khác	1.131.720.346	848.470.082
Cộng	1.857.431.051	1.819.237.849

19. Vay và nợ dài hạn

Đối tượng	Đầu năm	Tăng trong năm	Trả trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Chi nhánh Ngân hàng công thương tỉnh Lâm Đồng	15.812.541.960	-	-	3.091.867.450	12.720.674.510
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Lâm Đồng	3.440.000.000	-	-	880.000.000	2.560.000.000
Tổng Cộng	19.252.541.960	-	-	3.971.867.450	15.280.674.510

Vay chi nhánh Ngân hàng công thương tỉnh Lâm Đồng bao gồm các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng vay số 08220005/HĐ ngày 29/04/2008 với số tiền cho vay là 19,5 tỷ đồng, thời hạn 9 năm. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư nâng cấp nhà máy Hiệp An. Khoản vay chịu lãi suất là 1,3%/tháng và thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh V.6). Khoản vay được thanh toán từ ngày 29/07/2009 đến ngày 29/07/2017 với số tiền 609 triệu đồng/quý.
- Hợp đồng vay số 09220008 ngày 19/01/2009 với số tiền cho vay là 2,5 tỷ đồng, thời hạn 60 tháng. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư Nhà chứa nhiên liệu, nhà xưởng nghiền-trộn liệu, thiết bị sàng phân ly samót và hệ móng máy, móng lò nung, sấy, lò sinh khí than nóng, Tấm Carbon silic và trụ nung. Khoản vay chịu lãi suất là 1,06%/tháng và thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản, giá trị tài sản đảm bảo 5.161.399.000 VND. Khoản vay được thanh toán nợ gốc hàng quý từ ngày 19/07/2009 đến ngày 19/07/2012 với số tiền 143 triệu đồng/quý, kỳ hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 19/10/2012 với số tiền thanh toán là 62 triệu đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- Hợp đồng vay số 09080001 ngày 03/09/2009 với số tiền cho vay là 3,3 tỷ đồng, thời hạn 60 tháng. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng nhà xưởng. Khoản vay chịu lãi suất là 10,5%/ năm (0,875%/tháng) tháng và thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 09080001, giá trị tài sản đảm bảo 6.795.760.000 VND. Khoản vay được thanh toán nợ gốc 6 tháng/lần từ ngày 03/10/2010 đến ngày 03/04/2014 với số tiền 374 triệu đồng/6 tháng, kỳ hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 03/09/2014 với số tiền thanh toán là 308 triệu đồng.
- Hợp đồng vay số HD 10080002DN ngày 24/3/2010 với số tiền cho vay là 460.147.650 VND, thời hạn 36 tháng. Khoản vay nhằm mục đích nhập máy móc thiết bị. Khoản vay chịu lãi suất là 15%/ năm (1,25%/tháng). Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay được thanh toán hàng quý từ ngày 24/06/2010 đến ngày 24/12/2012 với số tiền 38,25 triệu đồng/quý, kỳ hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 24/03/2013 với số tiền thanh toán là 39,667,650 VND.

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Lâm Đồng

- Hợp đồng vay số 01/2008/HĐ ngày 12/05/2008 với hạn mức cho vay là 5,5 tỷ đồng với thời hạn 84 tháng. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư nâng cấp nhà máy bê tông Hiệp Lực. Khoản vay chịu lãi suất là 1,46%/tháng và không có tài sản đảm bảo. Khoản vay được thanh toán nợ gốc hàng quý, từ ngày 25/2/2009 đến ngày 25/5/2010 thanh toán với số tiền 150 triệu đồng/quý, từ ngày 25/8 /2010 đến ngày 25/5/2011 thanh toán với số tiền 180 triệu đồng/quý, từ ngày 25/08/2011 đến ngày 25/05/2012 thanh toán với số tiền 220 triệu đồng/quý, từ ngày 25/08/2012 đến ngày 09/05/2015 thanh toán với số tiền 250 triệu đồng/quý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỎÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

20. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cộng
Số dư 1/1/2010	85.000.000.000	21.378.566.720	(2.425.234.557)	5.363.307.954	747.371.931	7.383.498.329	418.233.054	117.865.743.431
Tăng vốn trong năm	-	-	157.500.000	-	-	-	-	157.500.000
Lãi trong năm trước Thuế TNDN được miễn giảm	-	-	-	-	-	12.215.427.331	-	12.215.427.331
Tăng khác	-	-	-	368.821.371	-	-	-	368.821.371
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(5.845.000.000)	-	(5.845.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	582.130.457	374.237.417	(1.538.498.331)	-	(582.130.457)
Giảm khác	-	-	(281.319.072)	-	-	(138.000.000)	(418.233.054)	(837.552.126)
Số dư 31/12/2010	85.000.000.000	21.378.566.720	(2.549.053.629)	6.314.259.782	1.121.609.348	12.077.427.329	-	123.342.809.550
Số dư 1/1/2011	85.000.000.000	21.378.566.720	(2.549.053.629)	6.314.259.782	1.121.609.348	12.077.427.329	-	123.342.809.550
Tăng vốn trong năm	-	-	(1.823.081.886)	-	-	-	-	(1.823.081.886)
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	11.416.749.019	-	11.416.749.019
Thuế TNDN được miễn giảm	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	515.441.096	-	-	-	515.441.096
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(9.909.000.000)	-	(9.909.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	625.822.383	603.871.366	(2.168.427.329)	-	(938.733.580)
Giảm khác	-	-	-	(74.917.269)	-	(135.000.000)	-	(209.917.269)
Số dư 31/12/2011	85.000.000.000	21.378.566.720	(4.372.135.515)	7.380.605.992	1.725.480.714	11.281.749.019	-	122.394.266.930

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.500.000	8.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.500.000	8.500.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	342.500	166.500
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	342.500	166.500
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.157.500	8.333.500
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.157.500	8.333.500
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Các quỹ

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng phúc lợi: Dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu : Dùng cho công tác khen thưởng của ban quản lý, điều hành Công ty.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	182.108.383.846	139.401.630.268
Giảm giá hàng bán	58.036.850	-
Doanh thu thuần	<u>182.050.346.996</u>	<u>139.401.630.268</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của thành phẩm đã bán	121.757.231.012	91.095.916.473
Cộng	<u>121.757.231.012</u>	<u>91.095.916.473</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.556.349.313	1.476.699.693
Cổ tức được chia	2.408.785.055	1.620.740.000
Chênh lệch tỉ giá thanh toán	174.340.132	867.720.203
Chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	-	268.362.468
Tổng cộng	5.139.474.500	4.233.522.364

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	6.961.984.536	6.006.367.744
Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán	23.548.202	2.765.834
Chiết khấu thanh toán	22.297.441	-
Tổng cộng	7.007.830.179	6.009.133.578

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên bán hàng	2.437.098.256	1.230.057.452
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	4.823.080.524	2.712.406.608
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.146.504.737	1.317.191.914
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.939.693.953	8.083.093.718
Chi phí bằng tiền khác	1.322.541.838	5.494.231.043
Tổng cộng	22.668.919.308	18.836.980.735

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí lương nhân viên	9.511.587.660	7.947.123.938
Chi phí nguyên vật liệu	1.309.883.391	1.363.065.338
Chi phí khấu hao	1.021.135.298	1.012.446.406
Thuế, phí lệ phí	562.351.185	405.468.458
Chi phí dự phòng	3.535.526.492	46.243.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	620.707.831	600.651.004
Chi phí bằng tiền khác	4.342.312.539	2.879.609.236
Tổng cộng	20.903.504.396	14.254.607.380

7. Thu nhập khác

Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	645.336.852	-
Thu nhập từ xử lý cổ tức	-	1.132.459.077
Thu nhập từ tiền đền bù xường	205.740.000	845.678.000
Thu nhập khác	542.332.669	231.405.851
Cộng	1.393.409.521	2.209.542.928

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>
Thanh lý tài sản cố định	560.750.733
Phạt nộp thuế tài nguyên, môi trường	507.336.522
Chi phí di dời xưởng	205.850.991
Chi phí khác	350.674.154
Cộng	<u>1.624.612.400</u>

9. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

Chỉ tiêu	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế.	14.621.133.722	15.259.413.708
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	148.238.050	6.762.150
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	1.951.832.960	3.021.561.545
Thu nhập chịu thuế phát sinh trong năm	12.817.538.812	12.244.614.313
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	3.204.384.703	3.043.986.377
<i>Trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm trong năm</i>	<i>515.441.096</i>	<i>368.821.371</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành dự tính phải nộp	<u>3.204.384.703</u>	<u>3.043.986.377</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	8.333.500	8.350.000
Số lượng cổ phiếu bán ra trong năm	-	7.500
Số lượng cổ phiếu mua vào trong năm	200.000	24.000
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	8.177.155	8.354.875
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.416.749.019	12.215.427.331
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>1.396,18</u>	<u>1.462,07</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Hiệp Thành	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hiệp Thạnh Phát	Công ty con
Công ty Cổ phần Hiệp Phú	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Trong năm, nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số tiền
Công ty CP hiệp Thành	Trả cổ tức	1.935.589.845
	Thu nhập từ cổ tức	1.567.154.845
	Thu tiền cổ tức chưa xử lý nguồn Hiệp Thành	368.435.000
	Bán nguyên vật liệu	1.388.080.359
	Thu tiền bán nguyên vật liệu	885.532.145
Công ty TNHH MTV Hiệp thịnh phát	Công ty con	
	Mua nguyên liệu	1.853.874.000
	Bán hàng	1.097.645.010
	Thu tiền bán hàng	644.029.100
Công ty CP Hiệp Phú	Công ty liên kết	
	Thu tiền bán hàng	937.758.000

Số dư các khoản công nợ phải thu. (phải trả) với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bên liên quan	Số tiền
Công ty Cổ phần Hiệp Thành	
Phải thu tiền bán nguyên vật liệu	522.332.189
Phải thu cổ tức	368.435.000
Công ty TNHH MTV Hiệp thịnh phát	
Phải trả tiền mua nguyên liệu	1.853.874.000
Phải thu tiền bán hàng	453.615.910
Công ty CP Hiệp Phú	
Phải thu tiền bán hàng	300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

2. Thù lao hội đồng quản trị

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Thù lao hội đồng quản trị	234.000.000	234.000.000

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	47,87	42,74
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	52,13	57,26
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	31,54	32,93
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	68,46	67,07
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,09	1,92
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	4,38	4,49
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,82	0,63
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	8,03	10,95
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	6,27	8,76
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	8,18	8,30
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	6,39	6,64
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	9,33	9,90

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 03 năm 2012


 NGUYỄN AN THÁI
 Tổng Giám đốc


 PHẠM THỊ MỸ DUNG
 Kế toán trưởng


 LÊ NAM ĐÔNG
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		108.121.698.940	97.132.524.648
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		42.801.538.784	34.403.318.961
1. Tiền	111	VI.1	15.878.538.784	13.903.318.961
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.923.000.000	20.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	6.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121	VI.2	5.000.000.000	6.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.928.341.942	32.090.315.731
1. Phải thu khách hàng	131	VI.3	28.089.973.336	25.140.257.708
2. Trả trước cho người bán	132		2.980.773.552	3.809.296.225
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.4	2.407.696.555	6.626.388.982
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.550.101.501)	(3.485.627.184)
IV. Hàng tồn kho	140		30.141.974.266	22.045.698.966
Hàng tồn kho	141	VI.5	30.141.974.266	22.045.698.966
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.249.843.948	2.593.190.990
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.6	1.598.334.060	821.969.713
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		73.779.953	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		50.648.279	3.300.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.7	1.527.081.656	1.767.921.277
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		88.727.622.861	102.471.168.150
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		84.102.378.401	96.386.533.859
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	81.624.963.233	94.024.096.368
Nguyên giá	222		173.129.670.182	173.135.080.524
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(91.504.706.949)	(79.110.984.156)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.9	1.273.081.699	1.391.898.094
Nguyên giá	228		4.336.485.373	4.108.074.373
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.063.403.674)	(2.716.176.279)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.10	1.204.333.469	970.539.397
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.11	1.002.727.536	1.001.371.049
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		1.002.727.536	1.001.371.049
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.622.516.924	5.083.263.242
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.12	2.934.949.849	4.357.956.097
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		118.726.218	179.932.704
3. Tài sản dài hạn khác	268	VI.13	568.840.857	545.374.441
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		196.849.321.801	199.603.692.798

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phủ Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		62.420.464.939	66.564.044.222
I. Nợ ngắn hạn	310		46.842.922.679	46.845.269.225
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.14	18.802.271.248	20.416.498.296
2. Phải trả người bán	312	VI.15	11.278.924.122	8.406.327.663
3. Người mua trả tiền trước	313		1.043.346.043	3.741.581.172
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.16	1.796.767.134	2.171.359.835
5. Phải trả người lao động	315		9.444.421.748	7.743.871.787
6. Chi phí phải trả	316	VI.17	1.130.559.077	1.140.635.154
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.18	1.574.450.323	1.904.953.454
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.772.182.984	1.320.041.864
II. Nợ dài hạn	330		15.577.542.260	19.718.774.997
1. Vay và nợ dài hạn	334	VI.19	15.280.674.510	19.252.541.960
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		226.867.750	396.233.037
3. Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ			70.000.000	70.000.000
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		125.605.129.305	125.098.158.983
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.20	125.605.129.305	125.098.158.983
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.378.566.720	21.378.566.720
3. Cổ phiếu quỹ	414		(4.372.135.515)	(2.549.053.629)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.134.864.073	7.847.423.239
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.195.437.726	1.563.731.348
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.268.396.301	11.857.491.305
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C- Lợi ích cổ đông thiểu số	439		8.823.727.557	7.941.489.593
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		196.849.321.801	199.603.692.798

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
		292.428,12	261.560,22

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 03 năm 2012


NGUYỄN AN THAI
 Tổng Giám đốc


PHẠM THỊ MỸ DUNG
 Kế toán trưởng


LÊ NAM ĐÔNG
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

(Có so sánh số liệu năm 2010)

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	217.165.876.673	170.898.158.012
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		58.036.850	1.825.372
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		217.107.839.823	170.896.332.640
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	147.197.611.151	116.838.598.055
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			69.910.228.672	54.057.734.585
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	4.998.893.875	3.316.722.218
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	7.007.830.179	6.009.133.578
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		6.961.984.536	6.006.367.744
8. Chi phí bán hàng	24	VII.5	23.654.403.515	19.252.461.560
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.6	24.121.681.456	16.620.795.168
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.125.207.397	15.492.066.497
11. Thu nhập khác	31	VII.7	1.381.385.474	1.185.244.544
12. Chi phí khác	32	VII.8	1.270.057.038	487.386.610
13. Lợi nhuận khác	40		111.328.436	697.857.934
14. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		1.356.487	(92.070.039)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.237.892.320	16.097.854.392
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.9	5.068.217.554	4.109.051.917
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VII.10	61.206.486	(132.862.891)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>15.108.468.280</u>	<u>12.121.665.366</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	70		2.033.139.878	1.307.864.785
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ			13.075.328.402	10.813.800.581
Trong đó				
<i>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân</i>			8.177.155	8.354.875
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VII.11	<u>1.599,01</u>	<u>1.294,31</u>

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 03 năm 2012



NGUYỄN AN THÀI
Tổng Giám đốc


PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng


LÊ NAM ĐỒNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		20.237.892.320	16.097.854.392
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02		15.364.211.547	15.000.110.434
- Các khoản dự phòng	03		3.064.474.317	438.364.296
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		22.297.441	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.090.860.329)	(1.580.209.615)
- Chi phí lãi vay	06		6.961.984.536	6.006.367.744
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		40.559.999.832	35.962.487.251
- Tăng các khoản phải thu	09		(7.073.069.367)	14.838.886.159
- Giảm hàng tồn kho	10		(7.734.483.931)	296.885.308
- Giảm các khoản phải trả	11		4.322.614.632	(11.299.415.830)
- Tăng chi phí trả trước	12		663.996.663	663.527.046
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6.961.984.536)	(6.006.367.744)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.403.435.984)	(3.922.496.534)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		771.694	845.678.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(853.774.260)	(271.570.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		17.520.634.743	31.107.613.656
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.055.020.695)	(9.479.650.389)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		645.336.852	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	(12.000.000.000)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.362.703.898	2.180.639.547
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		1.953.020.055	(19.299.010.842)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	157.500.000
- Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(1.823.081.886)	(281.319.072)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		37.693.912.416	43.091.025.839
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(39.308.139.464)	(39.893.873.158)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.615.828.600)	(5.845.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(11.053.137.534)	(2.771.666.391)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		8.420.517.264	9.036.936.423
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		34.403.318.961	26.038.744.251
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(22.297.441)	(672.361.713)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	42.801.538.784	34.403.318.961

Lâm Đồng, ngày 30 tháng 03 năm 2012



NGUYỄN AN THAI
Tổng Giám đốc


PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng


LÊ NAM ĐỒNG
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt. San lấp mặt bằng. Kinh doanh vận chuyển hàng. Khai thác, chế biến và kinh doanh Khoáng sản. Hoạt động xuất, nhập khẩu; Trồng rừng.

4. Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con được hợp nhất:

Công ty Cổ phần Hiệp Thành

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành, Xã Tam Bó, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng

Công ty Cổ Phần Hiệp Thành được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước là Xi nghiệp Hiệp Thành thuộc Công ty Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng theo Quyết định số 3496/QĐ-UB ngày 09 tháng 11 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 059255 ngày 03 tháng 01 năm 2000 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 02 tháng 07 năm 2007.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng: 58,48%

Quyền biểu quyết của Công ty Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng: 58,48%

Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát.

Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát được thành lập bởi Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng, trụ sở đăng ký tại Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5801036335 ngày 28 tháng 09 năm 2011 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp. Công ty thay đổi Giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ nhất ngày 07 ngày 11 năm 2011.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng: 100%

Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty Cổ phần Hiệp Phú:

Địa chỉ trụ sở chính: 191 Tô Ngọc Vân, Phường 2, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng: 35,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Khoáng sản Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng: 35,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc năm tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2010 là: 18.932 VND/USD

Ngày 31/12/2011 là: 20.828 VND/USD.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp kết thúc năm.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty Mẹ sử dụng hình thức sổ nhật ký chung;

Công ty cổ phần Hiệp Thành áp dụng hình thức sổ nhật ký chung;

Công ty cổ phần Hiệp Phú áp dụng hình sổ nhật ký chung..

4. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Các Công ty con

Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các Báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Các Báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Tất cả các số dư và nghiệp vụ, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả kinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các Công ty con là các đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các Báo cáo tài chính của các Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Công ty liên kết (đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các Công ty liên kết là những đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Công ty trong các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Nếu phần lỗ của Công ty vượt quá khoản đầu tư của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bốc tải phụ và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cho việc hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời vv..) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán: kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào các khoản phải thu không có khả năng thu hồi, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 06
Tài sản cố định khác	04 – 12

Thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của tài sản

Trong kỳ Công ty đã thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của máy móc thiết bị từ 15 năm thành 25 năm để phản ánh chính xác hơn thời gian sử dụng hữu ích của tài sản. Việc thay đổi thời gian hữu ích của tài sản làm chi phí khấu hao làm chi phí khấu hao năm 2010 giảm 968.838.888 VND so với năm trước.

7. Tài sản cố định vô hình

Hệ thống chất lượng Iso

Toàn bộ các chi phí Công ty đã bỏ ra để xây dựng hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (05) năm.

Chi phí hầm mỏ, thăm dò và chi phí đền bù giải tỏa

Các chi phí Công ty đã bỏ ra để đền bù giải tỏa, thăm dò hầm mỏ và quyền khai thác hầm mỏ được khấu hao từ ba (03) đến mười hai (12) năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn toàn hoàn thành hoặc lắp đặt xong và được thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng hay lắp đặt cho tới khi các tài sản đó được hoàn thành và đem vào sử dụng.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thăm dò và tiền đền bù hoa màu

Chi phí thăm dò và tiền đền bù hoa màu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá ba (03) năm.

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 đến 3 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các Công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ việc bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong năm.

18. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	610.167.980	963.495.796
VND	543.580.020	896.907.836
USD quy đổi VND	66.587.960	66.587.960
Tiền gửi Ngân hàng	15.268.370.804	12.939.823.165
VND	9.177.677.921	7.839.379.375
USD quy đổi VND	6.090.692.883	5.100.443.790
Khoản đầu tư có thời hạn 3 tháng	26.923.000.000	20.500.000.000
Tổng Cộng	42.801.538.784	34.403.318.961
2. Đầu tư ngắn hạn		
Tiền gửi tiết kiệm ngân hàng đầu tư & phát triển	5.000.000.000	6.000.000.000
Cộng(*)	5.000.000.000	6.000.000.000
(*) Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng, lãi suất 11,5%/năm.		
3. Phải thu khách hàng		
Công ty Đồng Nai	404.376.060	-
Công ty TNHH SX-TM Vật Liệu Chì Lửa Lê Võ	706.332.000	251.724.000
Taekwang industry technical co.,ltd	300.576.974	282.366.286
Ông Lee Dong Wook	445.378.387	442.458.300
Công ty CP Đầu Tư & Xây Dựng COTEC	535.730.600	-
Công ty Quản Lý Đường Bộ I Lâm Đồng	1.411.000.701	-
Công ty Cổ phần E. C. O. N	1.629.314.500	-
Công ty TNHH XD TM Thuận Việt	2.751.677.417	1.165.896.100
Công ty CP Công nghiệp gốm sứ Taicera	2.129.867.344	3.363.626.771
Công ty Cổ Phần Quốc tế Pancera	513.377.150	-
Công ty Cổ phần Hiệp Phú	300.000.000	1.237.758.000
Đại lý Thiện	482.523.500	399.412.042
Công ty Cổ phần xây dựng 1 Lâm Đồng	253.069.986	122.024.986
Khách hàng khác	16.226.748.717	17.874.991.223
Tổng cộng	28.089.973.336	25.140.257.708

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi đầu tư ngắn hạn	224.383.562	-
Cổ tức năm 2010	-	5.014.500.000
Công ty CP KS&VLXD Lâm Đồng - Ứng trước cổ tức	1.105.305.000	1.031.618.000
Phải thu Bảo hiểm xã hội	13.232.698	-
Phải thu khác	1.064.775.295	580.270.982
Tổng cộng	2.407.696.555	6.626.388.982

5. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu	9.774.242.598	7.620.706.688
Công cụ dụng cụ	432.133.177	476.731.753
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.689.035.251	4.005.757.121
Thành phẩm	15.227.361.668	9.939.101.832
Hàng hóa	19.201.572	3.401.572
Cộng giá gốc hàng tồn kho	30.141.974.266	22.045.698.966

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Chi phí bóc tăng phù mô Hiệp Thành	303.505.370	980.699.925	1.152.113.819	-	132.091.476
CP tập kết bentonit	-	31.472.854	31.472.854	-	-
Công cụ dụng cụ	68.416.667	792.619.957	527.800.332	-	333.236.292
Bộ lốp xe	39.846.997	161.322.090	69.837.883	-	131.331.204
Dịch vụ Quảng cáo	-	63.855.000	-	-	63.855.000
Bảo hiểm tài sản cố định	24.475.000	-	24.475.000	-	-
Vấn ép cao lanh	43.958.526	52.491.359	78.952.766	-	17.497.119
Chi phí dọn bãi nguyên liệu	-	7.670.455	7.670.455	-	-
Chi phí khác	-	341.230.563	270.878.076	1.712.487	68.640.000
Thuế tài nguyên	248.553.541	303.630.600	258.144.000	-	294.040.141
Phí bảo vệ môi trường	93.213.612	93.639.750	96.804.000	-	90.049.362
Chi phí palet gỗ kê gạch	-	1.194.000.000	802.500.000	-	391.500.000
Chi phí sửa chữa	-	83.011.053	6.917.587	-	76.093.466
Tổng cộng	821.969.713	4.105.643.606	3.327.566.772	1.712.487	1.598.334.060

7. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng nhân viên	1.527.081.656	1.767.921.277
Cộng	1.527.081.656	1.767.921.277

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

8. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ khác	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá							
1. Số đầu năm	51.748.279.129	98.987.288.218	20.026.018.791	1.536.474.628	520.611.939	316.407.819	173.135.080.524
2. Tăng trong năm	568.052.269	2.445.862.727	1.220.903.050	146.850.818	-	-	4.381.668.864
3. Giảm trong năm	368.008.907	3.299.888.859	708.710.705	10.470.735	-	-	4.387.079.206
4. Số cuối năm	51.948.322.491	98.133.262.086	20.538.211.136	1.672.854.711	520.611.939	316.407.819	173.129.670.182
II. Hao mòn lũy kế							
1. Số đầu năm	21.975.528.920	45.569.982.657	9.817.667.460	1.322.134.838	195.527.939	230.142.342	79.110.984.156
2. Tăng trong năm	3.202.023.500	9.331.139.873	2.270.039.112	134.919.842	61.608.730	17.253.095	15.016.984.152
3. Giảm trong năm	198.098.521	1.650.949.255	763.742.848	10.470.735	-	-	2.623.261.359
4. Số cuối năm	24.979.453.899	53.250.173.275	11.323.963.724	1.446.583.945	257.136.669	247.395.437	91.504.706.949
III. Giá trị còn lại							
1. Số đầu năm	29.772.750.209	53.417.305.561	10.208.351.331	214.339.790	325.084.000	86.265.477	94.024.096.368
2. Số cuối năm	26.968.868.592	44.883.088.811	9.214.247.412	226.270.766	263.475.270	69.012.382	81.624.963.233

Giá trị tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

Giá trị của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 37.129.105.065 VND

9. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

Chỉ tiêu	Hệ thống quản lý chất lượng ISO	Chi phí hàm mô, thăm dò	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	431.993.275	1.120.786.000	26.500.000	2.528.795.098	4.108.074.373
2. Tăng trong năm	-	228.411.000	-	-	228.411.000
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	431.993.275	1.349.197.000	26.500.000	2.528.795.098	4.336.485.373
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	239.264.367	1.120.786.000	1.325.000	1.354.800.912	2.716.176.279
2. Tăng trong năm	102.908.657	-	5.300.000	239.018.738	347.227.395
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	342.173.024	1.120.786.000	6.625.000	1.593.819.650	3.063.403.674
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	192.728.908	-	25.175.000	1.173.994.186	1.391.898.094
2. Số cuối năm	89.820.251	228.411.000	19.875.000	934.975.448	1.273.081.699

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào tài sản trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Nhà máy cao lanh Hiệp Tiến	-	1.104.473.070	426.703.070	-	677.770.000
Dự án NMS Hiệp An	468.891.764	-	468.891.764	-	-
Dự án Tẩm lót nguội Hiệp An – 2010	4.538.181	14.615.000	-	-	19.153.181
Dự án cao lanh Trại mát 2 Hiệp An	94.959.091	154.319.117	133.253.636	116.024.572	-
Tài đánh giá hệ thống ISO	-	127.063.000	-	-	127.063.000
Công trình lò phôi	402.150.361	-	21.803.073	-	380.347.288
Tổng cộng	970.539.397	1.400.470.187	1.050.651.543	116.024.572	1.204.333.469

11. Các khoản đầu tư dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		
Công ty Cổ phần Hiệp Phú	1.002.727.536	1.001.371.049
Tỷ lệ góp vốn	35,00%	35,00%
Cộng	1.002.727.536	1.001.371.049

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Giảm khác	Số dư cuối năm
Chi phí đền bù hoa màu	2.407.701.788	26.000.000	1.536.272.456	-	897.429.332
Chi phí thăm dò	487.312.863	224.500.000	396.626.906	315.185.957	315.185.957
Bàn ghế HDQT+VP TGD	-	20.600.000	3.433.333	-	17.166.667
Chi phí sửa văn phòng	-	46.381.818	5.153.538	-	41.228.280
Công cụ, dụng cụ	710.399.966	3.167.269.579	2.271.288.347	-	1.606.381.198
Chi phí đền bù N'Thôn Hạ	-	295.445.858	103.009.747	-	192.436.111
Chi phí đền bù Cam ly	-	19.740.099	19.740.099	-	-
Chi phí khác	752.541.479	74.406.897	639.000.445	23.548.202	187.947.931
Tài sản đã qua sử dụng nhận bàn giao từ Công ty mẹ	-	17.354.762	1.446.230	-	15.908.532
Tổng cộng	4.357.956.097	3.891.699.013	4.974.524.871	338.734.159	2.934.949.849

13. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ Quỹ Bảo vệ môi trường	-	71.120.000
Ký quỹ mỏ Lộc Tân	112.870.000	112.870.000
Ký quỹ mỏ xét Nghĩa Lập Xí Nghiệp Thạnh Mỹ	103.600.000	103.600.000
Ký quỹ mỏ cao lanh	53.192.000	40.676.000
Ký quỹ khác	299.178.857	288.228.441
Tổng cộng	568.840.857	545.374.441

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

14. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Vay trong năm</u>	<u>Trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng Công thương	11.752.181.296	24.106.872.420	24.835.796.318	11.023.257.398
Ngân hàng Đầu tư	2.695.026.000	4.075.701.546	4.188.437.146	2.582.290.400
Ngân hàng NN&PTNT tỉnh Lâm Đồng	1.715.831.000	5.539.471.000	6.030.446.000	1.224.856.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.253.460.000	3.971.867.450	4.253.460.000	3.971.867.450
Tổng cộng	20.416.498.296	37.693.912.416	39.308.139.464	18.802.271.248

Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng công thương tỉnh Lâm Đồng bao gồm:

- Hợp đồng vay số 10080001/HĐTDHM ngày 10/2/2010 với hạn mức cho vay là 14 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay chịu lãi suất 1%/tháng và thay đổi theo quyết định của Tổng Giám đốc Ngân hàng Công Thương Việt Nam. Khoản vay được đảm bảo bằng 4 chiếc xe tại Văn Phòng Công ty.

Khoản vay Ngân hàng NHNN&PTNN Lâm Đồng bao gồm:

- Hợp đồng vay số 5400LAV201000173/HĐTD ngày 01 tháng 02 năm 2010 với hạn mức cho vay là 2 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay chịu lãi suất 12%/năm và không có tài sản đảm bảo.

15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Xi nghiệp than Nha Trang	607.728.000	292.139.320
Ông Lương Ngọc Thiện	191.107.000	215.753.500
Công ty TNHH một thành viên xi măng LUKS	338.932.024	843.323.000
Công ty TNHH ĐT & TV xây dựng Quốc tế	463.102.000	187.845.900
DNTN VLXD Thanh Trà	952.362.105	154.919.000
Cửa hàng VLXD 815	1.164.377.000	-
Công ty Cơ khí đúc Đại Thắng	100.000.000	50.000.000
DNTN Thương Mại 21/5	165.281.000	-
Cty TNHH Phú Khang	309.092.630	-
Công ty TNHH Dương Phát	527.130.200	-
Nguyễn Phước Tạo	634.145.996	-
Khách hàng khác	5.825.666.167	6.662.346.943
Tổng cộng	11.278.924.122	8.406.327.663

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

16. Thuế và các khoản phải nộp khác

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải cuối kỳ
Thuế	2.072.575.635	18.454.567.647	18.908.783.827	1.618.359.455
Thuế giá trị gia tăng hàng bán trong nước	477.832.228	6.644.226.930	6.631.977.038	490.082.120
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	111.280.438	111.280.438	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	329.716.006	329.716.006	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.168.791.141	4.663.441.780	5.403.435.984	428.796.937
<i>Thuế thu nhập hiện hành</i>	675.280.499	2.688.943.607	3.382.914.457	(18.690.351)
<i>Khoản nộp phạt thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu</i>	-	77.440.322	77.440.322	-
<i>Khoản ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	-	31.897.928	(31.897.928)
Thuế tài nguyên	284.152.452	3.674.694.434	3.400.777.641	558.069.245
Tiền thuế đất (*)	(3.300.000)	616.509.653	613.269.653	(60.000)
Các loại thuế khác	4.709.899	316.083.809	311.035.727	9.757.981
<i>Thuế môn bài</i>	-	12.000.000	12.000.000	-
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	4.709.899	304.083.809	299.035.727	9.757.981
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	95.484.200	892.050.850	859.775.650	127.759.400
Phí bảo vệ môi trường	95.484.200	804.136.650	771.861.450	127.759.400
Các khoản phải nộp khác	-	87.914.200	87.914.200	-
	140.389.915	2.098.614.597	2.107.291.340	131.713.172
Cộng	2.168.059.835	19.346.618.497	19.768.559.477	1.746.118.855

(*) Khoản thuế nộp dư được trình bày trên phần thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

17. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí vận chuyển	538.397.000	567.419.000
Chi phí bóc tách phủ	-	-
Chi phí phải trả khác	565.591.077	370.970.000
Tiền ăn ca quý 4/2011	26.571.000	-
Tổng Cộng	1.130.559.077	1.140.635.154

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Kinh phí công đoàn	448.461.354	386.866.630
Bảo hiểm xã hội	189.773.706	135.772.266
Bảo hiểm Y tế	73.483.166	34.313.597
Bảo hiểm thất nghiệp	29.238.385	12.628.385
Tiền cổ tức phải trả cho Công ty Cổ phần Hiệp Thành	-	442.122.000
Tài sản thừa chờ giải quyết	10.487.872	-
Phải trả khác	823.005.840	893.250.576
Cộng	1.574.450.323	1.904.953.454

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phường Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

19. Vay và nợ dài hạn

Đối tượng	Đầu năm	Tăng trong năm	Trả trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Chi nhánh Ngân hàng công thương tỉnh Lâm Đồng	15.812.541.960	-	-	3.091.867.450	12.720.674.510
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Lâm Đồng	3.440.000.000	-	-	880.000.000	2.560.000.000
Tổng Cộng	19.252.541.960	-	-	3.971.867.450	15.280.674.510

Vay Chi nhánh Ngân hàng công thương tỉnh Lâm Đồng bao gồm các hợp đồng như sau:

- Khoản vay (A) Hợp đồng vay số 08220005/HD ngày 29/04/2008 với số tiền cho vay là 19,5 tỷ đồng, thời hạn 9 năm. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư nâng cấp nhà máy Hiệp An. Khoản vay chịu lãi suất là 1,3%/tháng và thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh V.6). Khoản vay được thanh toán từ ngày 29/07/2009 đến ngày 29/07/2017 với số tiền 609 triệu đồng/quý.
- Khoản vay (B) Hợp đồng vay số 09220008 ngày 19/01/2009 với số tiền cho vay là 2,5 tỷ đồng, thời hạn 60 tháng. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư Nhà chứa nhiên liệu, nhà xưởng nghiền-trộn liệu, thiết bị sàng phân ly samót và hệ móng máy, móng lò nung, sấy, lò sinh khí than nóng, Tấm Carbon silic và trụ nung. Khoản vay chịu lãi suất là 1,06%/tháng và thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản, giá trị tài sản đảm bảo 5.161.399.000 VND. Khoản vay được thanh toán nợ gốc hàng quý từ ngày 19/07/2009 đến ngày 19/07/2012 với số tiền 143 triệu đồng/quý, kỳ hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 19/10/2012 với số tiền thanh toán là 62 triệu đồng.
- Khoản vay (C) Hợp đồng vay số 09080001 ngày 03/09/2009 với số tiền cho vay là 3,3 tỷ đồng, thời hạn 60 tháng. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng nhà xưởng. Khoản vay chịu lãi suất là 10,5%/năm (0,875%/tháng) tháng và thay đổi theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 09080001, giá trị tài sản đảm bảo 6.795.760.000 VND. Khoản vay được thanh toán nợ gốc 6 tháng/lần từ ngày 03/10/2010 đến ngày 03/04/2014 với số tiền 374 triệu đồng/6 tháng, kỳ hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 03/09/2014 với số tiền thanh toán là 308 triệu đồng.
- Khoản vay (D) Hợp đồng vay số HD 10080002DN ngày 24/3/2010 với số tiền cho vay là 460.147.650 VND, thời hạn 36 tháng. Khoản vay nhằm mục đích nhập máy móc thiết bị. Khoản vay chịu lãi suất là 15%/năm (1,25%/tháng). Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay được thanh toán hàng quý từ ngày 24/06/2010 đến ngày 24/12/2012 với số tiền 38,25 triệu đồng/quý, kỳ hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 24/03/2013 với số tiền thanh toán là 39.667.650 VND.

Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Lâm Đồng

Hợp đồng vay số 01/2008/HD ngày 12/05/2008 với hạn mức cho vay là 5,5 tỷ đồng với thời hạn 84 tháng. Khoản vay nhằm mục đích đầu tư nâng cấp nhà máy bê tông Hiệp Lực. Khoản vay chịu lãi suất là 1,46%/tháng và không có tài sản đảm bảo. Khoản vay được thanh toán nợ gốc hàng quý, từ ngày 25/2/2009 đến ngày 25/5/2010 thanh toán với số tiền 150 triệu đồng/quý, từ ngày 25/8/2010 đến ngày 25/5/2011 thanh toán với số tiền 180 triệu đồng/quý, từ ngày 25/08/2011 đến ngày 25/05/2012 thanh toán với số tiền 220 triệu đồng/quý, từ ngày 25/08/2012 đến ngày 09/05/2015 thanh toán với số tiền 250 triệu đồng/quý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

20. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cộng
Số dư đầu năm trước	85.000.000.000	21.378.566.720	-	(2.425.234.557)	8.028.930.488	1.189.493.931	7.432.729.978	418.233.054	121.022.719.614
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	157.500.000	-	-	-	-	157.500.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	10.813.800.581	-	10.813.800.581
Thuế TNDN năm 2009 được miễn, giảm	-	-	-	-	368.821.371	-	-	-	368.821.371
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	1.132.459.077	-	1.132.459.077
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(5.845.000.000)	-	(5.845.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	582.130.457	374.237.417	(1.538.498.331)	-	(582.130.457)
Giảm khác	-	-	-	(281.319.072)	(1.132.459.077)	-	(138.000.000)	(418.233.054)	(1.970.011.203)
Số dư cuối năm trước	85.000.000.000	21.378.566.720	-	(2.549.053.629)	7.847.423.239	1.563.731.348	11.857.491.305	-	125.098.158.983
Số dư đầu năm nay	85.000.000.000	21.378.566.720	-	(2.549.053.629)	7.690.460.368	1.563.731.348	11.857.491.305	-	124.941.196.112
Tăng vốn trong năm	-	-	-	(1.823.081.886)	-	-	-	-	(1.823.081.886)
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	13.075.328.402	-	13.075.328.402
Thuế TNDN được miễn, giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	515.441.096	-	-	-	515.441.096
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(11.855.935.210)	-	(11.855.935.210)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.003.879.878	631.706.378	(673.488.196)	-	962.098.060
Giảm khác	-	-	-	-	(74.917.269)	-	(135.000.000)	-	(209.917.269)
Số dư cuối năm nay	85.000.000.000	21.378.566.720	-	(4.372.135.515)	9.134.864.073	2.195.437.726	12.268.396.301	-	125.605.129.305

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.500.000	8.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.500.000	8.500.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	342.500	166.500
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	342.500	166.500
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.157.500	8.333.500
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.157.500	8.333.500
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng phúc lợi: Dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Dùng cho công tác khen thưởng của ban quản lý, điều hành Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng	217.165.876.673	170.898.158.012
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>(58.036.850)</i>	<i>(1.825.372)</i>
Doanh thu thuần	<u>217.107.839.823</u>	<u>170.896.332.640</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của thành phẩm đã bán	147.197.611.151	116.838.598.055
-------------------------------	-----------------	-----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng, Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.556.349.313	2.180.639.547
Cổ tức được chia	461.849.845	-
Chênh lệch tỉ giá thanh toán	174.340.132	867.720.203
Chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	-	268.362.468
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.798.273.696	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	8.080.889	-
Tổng cộng	<u>4.998.893.875</u>	<u>3.316.722.218</u>

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	6.961.984.536	6.006.367.744
Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán	23.548.202	2.765.834
Chiết khấu thanh toán	22.297.441	-
Tổng cộng	<u>7.007.830.179</u>	<u>6.009.133.578</u>

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên bán hàng	2.453.124.132	1.230.057.452
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	4.877.124.473	3.072.464.633
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.146.972.237	1.317.191.914
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.791.230.835	8.138.516.518
Chi phí bằng tiền khác	1.385.951.838	5.494.231.043
Tổng cộng	<u>23.654.403.515</u>	<u>19.252.461.560</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí lương nhân viên	11.444.410.397	9.291.396.064
Chi phí nguyên vật liệu	1.533.462.910	1.539.209.310
Chi phí khấu hao	1.044.949.904	1.100.150.158
Thuế, phí lệ phí	621.495.238	568.752.404
Chi phí dự phòng	3.756.922.971	181.832.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	767.988.532	718.843.401
Chi phí bằng tiền khác	4.795.374.413	3.170.197.627
Chi phí công cụ, dụng cụ	131.368.975	50.413.634
Chi phí đồ dùng văn phòng	25.708.116	-
Tổng cộng	<u>24.121.681.456</u>	<u>16.620.795.168</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	274.957.362	
Thu nhập từ xử lý cổ tức	-	
Thu nhập từ tiền đền bù xưởng	205.740.000	845.678.000
Thu nhập từ bán phế phẩm, phế liệu	331.962.795	91.467.097
Thu nhập khác	568.725.317	248.099.447
Cộng	1.381.385.474	1.185.244.544

8. Chi phí khác

Thanh lý tài sản cố định	190.371.243
Phạt nộp thuế tài nguyên, môi trường	507.336.522
Chi phí di dời xưởng	205.850.991
Chi phí khác	366.498.282
Cộng	1.270.057.038

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% thu nhập chịu thuế trừ thu nhập chịu thuế từ dự án nhà máy sản xuất gạch Tuynen đầu tư năm 2002 tại xí nghiệp Thạnh Mỹ.

Đối với thu nhập chịu thuế từ Xí nghiệp Hiệp Tiến được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 1 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 (bốn) năm tiếp theo.

Đối với thu nhập chịu thuế từ Xí nghiệp Thạnh Mỹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 (ba) năm tiếp theo.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ. Việc xác định và tính thuế TNDN còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Lợi nhuận kế toán trước thuế.	21.938.645.097	19.474.575.073
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	286.058.078	51.862.945
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	1.951.832.960	3.021.561.545
	-	-
Thu nhập chịu thuế phát sinh trong năm	20.272.870.215	16.504.876.473
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	5.068.217.554	4.109.051.917
<i>Trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm trong năm</i>	515.441.096	368.821.371
Chi phí thuế TNDN hiện hành dự tính phải nộp	5.068.217.554	4.109.051.917

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đông Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Hoàn nhập khoản chi phí thuế thu nhập hoãn lại đầu năm (a)	179.932.704
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong (b)	118.726.218
Ghi nhận khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm (a)+(b)	<u>61.206.486</u>

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	8.333.500	8.350.000
Số lượng cổ phiếu bán ra trong năm	-	7.500
Số lượng cổ phiếu mua vào trong năm	200.000	24.000
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	8.177.155	8.354.875
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	<u>13.075.328.402</u>	<u>10.813.800.581</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>1.599,01</u>	<u>1.294,31</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm của Công ty được lấy theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán tư vấn Đất Việt.

2. Giao dịch với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Hiệp Phú	Công ty liên kết

Trong năm, nghiệp vụ giao dịch với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	<u>Số tiền</u>
Công ty CP Hiệp Phú	Thu tiền bán hàng	937.758.000

Số dư các khoản công nợ với các bên liên quan tại ngày 31/12/2011

Công ty Cổ phần Hiệp Phú

Phải thu tiền bán nguyên vật liệu	300.000.000
-----------------------------------	-------------

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: Số 17B, Phú Đồng Thiên Vương, phường 8, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	54,93	48,66
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	45,07	51,34
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	31,71	33,35
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	63,81	66,65
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,31	2,07
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	4,20	4,26
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,91	0,73
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	9,32	9,42
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	6,96	7,09
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	10,28	8,06
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	7,68	6,07
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	12,03	9,69

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 03 năm 2012



NGUYỄN AN THÁI
Tổng Giám đốc

PHẠM THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng

LÊ NAM ĐỒNG
Người lập biểu